

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN****BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ  
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 05/2008/TT-BNN

Hà Nội, ngày 14 tháng 01 năm 2008

**THÔNG TƯ****hướng dẫn lập quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng**

*Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP, ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Căn cứ Luật bảo vệ và phát triển rừng, ngày 03 tháng 12 năm 2004;*

*Căn cứ Nghị định số 23/2006/NĐ-CP, ngày 03 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ về thi hành Luật bảo vệ và phát triển rừng;*

*Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn việc lập quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng các cấp như sau:*

**Phần I****QUY ĐỊNH CHUNG****I. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH,  
ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG**

1. Phạm vi điều chỉnh: thông tư này

hướng dẫn trình tự, thủ tục, nội dung lập, thẩm định, điều chỉnh và phê duyệt quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là tỉnh); của huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi là huyện); của xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là xã).

2. Đối tượng áp dụng của thông tư là:

Ủy ban nhân dân các cấp, các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan đến việc lập, thẩm định, điều chỉnh, phê duyệt và quản lý quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng.

**II. HỒ SƠ QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH  
BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG**

1. Hồ sơ quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng bao gồm:

1.1. Báo cáo quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng;

1.2. Quyết định phê duyệt quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng của cấp có thẩm quyền.

1.3. Hệ thống bản đồ gồm có:

- Bản đồ hiện trạng rừng (bản in trên giấy và bản đồ số hóa);

- Bản đồ quy hoạch ba loại rừng (bản in trên giấy và bản đồ số hóa) (nếu chưa có).

Bản đồ được xây dựng trên nền hệ tọa độ VN 2000 và có tỷ lệ: đối với cấp tỉnh là 1/100.000; cấp huyện: 1/50.000; cấp xã: 1/10.000.

1.4. Các văn bản có liên quan trong quá trình lập, thẩm định, thông qua Hội đồng nhân dân và trình cấp có thẩm quyền xét duyệt quy hoạch.

2. Hồ sơ kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng bao gồm:

- Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng (gồm báo cáo và các bảng biểu);

- Quyết định phê duyệt kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng của cấp có thẩm quyền.

- Các văn bản có liên quan trong quá trình lập, thẩm định, thông qua Hội đồng nhân dân và trình cấp có thẩm quyền xét duyệt kế hoạch.

### III. CÔNG BỐ VÀ LƯU TRỮ HỒ SƠ QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG

1. Công bố quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng.

1.1. Tài liệu quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng được công bố bao gồm:

- Quyết định phê duyệt quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng;

- Báo cáo (hoặc các bảng biểu) quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng;

- Các loại bản đồ quy hoạch kèm theo.

1.2. Cơ quan có trách nhiệm, thời gian và hình thức công bố quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng thực hiện theo quy định tại Điều 14 của Nghị định số 23/2006/NĐ-CP.

2. Lưu trữ hồ sơ quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng.

2.1. Hồ sơ quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng của tỉnh được làm thành bốn (04) bộ lưu trữ tại:

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Cục Lâm nghiệp): một (01) bộ;

- Ủy ban nhân dân tỉnh: một (01) bộ;

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hai (02) bộ: 01 bộ tại Chi cục Lâm

nghiệp, 01 bộ tại Chi cục Kiểm lâm (đối với tỉnh có Chi cục Lâm nghiệp và Chi cục Kiểm lâm riêng).

2.2. Hồ sơ về quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng của huyện được làm thành (03) bộ lưu trữ tại:

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: một (01) bộ;
- Ủy ban nhân dân huyện: một (01) bộ;
- Hạt Kiểm lâm huyện: một (01) bộ.

2.3. Hồ sơ quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng của xã được làm thành ba (03) bộ lưu trữ tại:

- Hạt kiểm lâm huyện: một (01) bộ;
- Ủy ban nhân dân xã: một (01) bộ và một (01) bộ giao Kiểm lâm địa bàn.

#### IV. QUẢN LÝ QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG

Việc quản lý quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng thực hiện theo các nội dung quy định tại Điều 18 của Nghị định số 23/2006/NĐ-CP.

Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng có kế hoạch hàng năm và kế hoạch 5 năm, trong đó có xác định các chỉ tiêu chủ yếu cho từng năm. Kế hoạch 5 năm được xác lập cho thời kỳ có những năm đầu và cuối có số đơn vị của năm là 0 hoặc 5.

Kế hoạch hàng năm được xây dựng từ tháng 7 - 8 của năm trước, kế hoạch 5 năm được xây dựng từ tháng 6 - 7 của năm trước của kỳ kế hoạch 5 năm theo chỉ đạo của ngành Kế hoạch và Đầu tư.

Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng được xác lập cho thời gian là 10 năm; Việc xây dựng quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng được chỉ đạo thống nhất cùng với việc xây dựng quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của cả nước.

#### Phần II

### TRÌNH TỰ, NỘI DUNG LẬP, PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG

#### I. KẾ HOẠCH BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG CẤP XÃ

##### 1. Trình tự

1.1. Ủy ban nhân dân xã tổ chức và chỉ đạo việc lập kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng của địa phương; cán bộ Kiểm lâm địa bàn và cán bộ lâm nghiệp xã (nếu có) là người có trách nhiệm chủ trì, phối hợp cùng cán bộ các ngành liên quan triển khai việc xây dựng kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng của xã.

1.2. Việc xây dựng kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng bao gồm: tổng hợp tình hình hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp,

tình hình thực hiện kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng kỳ trước; xác định chỉ tiêu bảo vệ và phát triển rừng trong kỳ kế hoạch tới; đề xuất các giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch; thiết lập hệ thống các bảng biểu kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng. (Hệ thống các bảng biểu được hướng dẫn tại Phần IV của Phụ lục kèm theo Thông tư này).

### 1.3. Trình và phê duyệt kế hoạch.

a) Ủy ban nhân dân cấp xã trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng của địa phương.

Hồ sơ tài liệu trình Hội đồng nhân dân xã là toàn bộ các bảng biểu kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng và các báo cáo giải trình kèm theo của Ủy ban nhân dân xã.

b) Sau khi đã được Hội đồng nhân dân xã thông qua, Ủy ban nhân dân xã ký quyết định về kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng của địa phương và tổ chức, chỉ đạo thực hiện kế hoạch đó.

### 2. Nội dung kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng

2.1. Thống kê hiện trạng và tình hình thực hiện kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng kỳ trước, bao gồm:

- Thống kê hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp theo các biểu 01/HT, biểu 02/HT được hướng dẫn tại mục II, Phần III của Phụ lục kèm theo Thông tư này.

Thí dụ: Số liệu xã QL, Huyện QT, Tỉnh QB được tổng hợp như sau:

#### Biểu 01/HT

#### HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT LÂM NGHIỆP CỦA XÃ QL

TT	Loại đất, loại rừng	Diện tích (Ha)	Trữ lượng (m <sup>3</sup> )	Ghi chú
	Tổng diện tích tự nhiên	3897.0		
	Tổng diện tích đất lâm nghiệp, trong đó:	2965.0		(Số liệu quy hoạch sử dụng đất theo 3 loại rừng)
	- Đất có rừng:	2443	88.672	
	+ Rừng tự nhiên	1562	78.100	

TT	Loại đất, loại rừng	Diện tích (Ha)	Trữ lượng (m <sup>3</sup> )	Ghi chú
	+ Rừng trồng	881	10.572	
	- Đất chưa có rừng	522		
1	Đất rừng đặc dụng	-		
1.1	Đất có rừng	-		
	Rừng tự nhiên	-		
	Rừng trồng	-		
1.2	Đất chưa có rừng	-		
	Trạng thái IA	-		
	Trạng thái IB	-		
	Trạng thái IC	-		
2	Đất rừng phòng hộ	1758.0		
2.1	Đất có rừng	1431.0	68.902	
	Rừng tự nhiên	1360.0	68.050	
	Rừng trồng	71.0	852	
2.2	Đất chưa có rừng	327.0		
	Trạng thái IA	0.0		
	Trạng thái IB	0		
	Trạng thái IC	327.0		
3	Đất rừng sản xuất	1207.0		
3.1	Đất có rừng	1012.0	19.720	
	- Rừng tự nhiên trong đó:	202.0	10.050	
	+ Rừng nghèo kiệt	-	-	
	- Rừng trồng	810.0	9.720	

TT	Loại đất, loại rừng	Diện tích (Ha)	Trữ lượng (m <sup>3</sup> )	Ghi chú
3.2	Đất chưa có rừng	195.0		
	Trạng thái IA	0.0		
	Trạng thái IB	175.0		
	Trạng thái IC	20.0		

## Biểu 02/HT

## DIỆN TÍCH ĐẤT LÂM NGHIỆP PHÂN THEO CHỦ QUẢN LÝ CỦA XÃ QL

Đơn vị tính: ha

TT	Loại đất loại rừng	Tổng cộng	Phân theo chủ quản lý				
			BQLR	L.trường	Huyện đội	UBND xã trực tiếp quản lý	Các hộ gia đình
	Đất lâm nghiệp	2965	-	460	850	1.655	-
1	Rừng tự nhiên	1.562	-	-	800	762	-
	Rừng giàu	-	-	-	-	-	-
	Rừng trung bình	-	-	-	-	-	-
	Rừng nghèo	-	-	-	-	-	-
	Rừng phục hồi	1.562	-	-	800	762	-
2	Rừng trồng	881	-	460	-	421	-
3	Đất chưa có rừng	522	-	-	50	472	-
A	Rừng đặc dụng	-	-	-	-	-	-
B	Rừng phòng hộ	1.758	-	-	800	958	-
1	Rừng tự nhiên	1360	-	-	800	560	-

TT	Loại đất loại rừng	Tổng cộng	Phân theo chủ quản lý				
			BQLR	L.trường	Huyện đội	UBND xã trực tiếp quản lý	Các hộ gia đình
2	Rừng trồng	71	-	-	-	71	-
3	Đất chưa có rừng	327	-	-	-	327	-
C	Rừng sản xuất	1.207	-	460	50	697	-
1	Rừng tự nhiên	202	-	-	-	202	-
2	Rừng trồng	810	-	460	-	350	-
3	Đất chưa có rừng	195	-	-	50	145	-

2.2. Xác định chỉ tiêu kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng trong kỳ kế hoạch 5 năm và hàng năm cho từng loại rừng đặc dụng, phòng hộ và sản xuất. Tất cả các chỉ tiêu trên được ghi vào biểu 02/KH, được hướng dẫn tại mục II, phần III của Phụ lục kèm theo Thông tư này.

Cách xác định các chỉ tiêu trong biểu như sau:

a) Phát triển rừng, bao gồm:

- Đối với rừng đặc dụng, phòng hộ:

+ Khoanh nuôi tái sinh rừng (trong đó có trồng bổ sung): Diện tích để khoanh nuôi tái sinh rừng đặc dụng, rừng phòng hộ là diện tích đất trồng được quy hoạch cho rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và có trạng thái chủ yếu là IB, IC.

Để xác định chỉ tiêu này phải căn cứ vào quy hoạch 3 loại rừng, hiện trạng rừng và đất rừng; Một diện tích đất lâm

nghiệp có trạng thái IB hay IC có thể phải khoanh nuôi trong một số năm trước khi thành rừng. Diện tích khoanh nuôi có trồng bổ sung khi số cây tái sinh có mục đích không đạt yêu cầu để thành rừng mục đích là đặc dụng, hay rừng phòng hộ.

Thí dụ đối với xã QL nêu trên:

\* Rừng đặc dụng: Không có nhu cầu vì xã QL không có quy hoạch rừng đặc dụng;

\* Rừng phòng hộ: Diện tích đất trồng quy hoạch cho rừng phòng hộ với trạng thái IC có 327 ha. Đây là đối tượng khoanh nuôi tái sinh cho rừng phòng hộ; Như vậy diện tích khoanh nuôi tái sinh rừng phòng hộ của xã QL là 327 ha. Tại Xã QL toàn bộ 327 ha trạng thái IC chỉ cần khoanh nuôi tái sinh tự nhiên mà không cần trồng bổ sung.

+ Trồng rừng tập trung của rừng phòng hộ chủ yếu là trồng rừng mới trên diện tích đất trống có trạng thái IA, IB. Với trạng thái IB nếu có thể tự phát triển thành rừng thì không tiến hành trồng rừng, mà thực hiện việc khoanh nuôi tái sinh.

Trồng rừng đặc dụng chủ yếu là trồng cây vườn thực vật, trồng rừng với mục đích nghiên cứu khoa học; trồng trên đất trống chỉ thực hiện trong những trường hợp đặc biệt và được cơ quan có thẩm quyền quyết định.

Thí dụ đối với xã QL nêu trên: Theo số liệu hiện trạng đất lâm nghiệp ở Bảng 1 thì xã QL không có diện tích đất lâm nghiệp quy hoạch cho rừng phòng hộ hay rừng đặc dụng ở trạng thái IA và IB nên xã QL không cần xây dựng kế hoạch trồng rừng đặc dụng và rừng phòng hộ.

- Đối với rừng sản xuất:

+ Khoanh nuôi tái sinh (trong đó có trồng bổ sung): chỉ thực hiện đối với diện tích có trạng thái IC đảm bảo mật độ cây tái sinh mục đích và có hiệu quả hoặc trong trường hợp chưa có khả năng về vốn đầu tư cho việc trồng rừng mới có hiệu quả hơn.

Thí dụ: đối với xã QL nêu trên, theo bảng 1 thì đất quy hoạch rừng sản xuất có 20 ha đất trống có trạng thái IC; tuy nhiên trên thực tế 20 ha này được cho

là không nên khoanh nuôi vì không đáp ứng về cây mục đích kinh tế, không hiệu quả nếu khoanh nuôi tái sinh so với việc trồng mới rừng ở đây.

+ Trồng rừng tập trung, bao gồm: trồng rừng mới, trồng lại rừng sau khai thác (rừng trồng) và trồng rừng trong cải tạo rừng tự nhiên nghèo kiệt.

Trồng rừng sản xuất mới: chủ yếu trên diện tích đất trống có trạng thái IA, IB; Với trạng thái IC nếu khoanh nuôi không có hiệu quả hơn trồng rừng mới thì tiến hành trồng rừng.

Trồng lại rừng sau khai thác là trồng trên những diện tích rừng trồng đã đến tuổi khai thác (nếu khai thác trắng) hay những diện tích tuy chưa đến tuổi khai thác, nhưng quá nghèo kiệt cần khai thác đi để trồng lại rừng mới có hiệu quả hơn;

Trồng rừng trong cải tạo rừng tự nhiên nghèo kiệt là trồng trên diện tích rừng tự nhiên là rừng sản xuất, nhưng được xác định là rừng nghèo kiệt và nếu trồng mới rừng sẽ có hiệu quả hơn;

Thí dụ đối với xã QL nêu trên:

Về nhu cầu trồng rừng mới: Theo số liệu tại bảng 1, diện tích đất trống được quy hoạch cho rừng sản xuất là 195 ha, trong đó trạng thái IB có 175 ha và trạng thái IC là 20 ha; Do 20 ha của trạng thái IC không nên khoanh nuôi tái sinh, nên



toàn bộ 195 ha này đều là đối tượng trồng rừng mới.

Về nhu cầu trồng rừng sau khai thác: Theo hiện trạng rừng trồng, đến năm 2008 sẽ khai thác 10 ha rừng trồng keo và bạch đàn và diện tích này cần trồng lại; Hai năm sau đó, mỗi năm cũng sẽ khai thác và trồng lại 10 ha;

Về rừng tự nhiên sản xuất là rừng nghèo kiệt, tại xã QL không có đối tượng này;

Như vậy, nhu cầu trồng rừng, ngoài mỗi năm (đến 2010) phải trồng lại 10 ha sau khai thác, cần trồng mới 195 ha. Nhưng do khả năng vốn đầu tư mà xã QL mới xác định trồng mới 115 ha/trên tổng nhu cầu trồng mới 195 ha; vì vậy, cùng với việc trồng lại rừng sau khai thác 30 ha, 3 năm tới xã QL sẽ trồng rừng là 145 ha.

- Kế hoạch làm giàu rừng là số diện tích có những tác động lâm sinh nhằm đẩy nhanh quá trình phát triển của rừng tự nhiên, đối tượng chủ yếu là rừng nghèo và một số diện tích có trữ lượng trung bình, nhưng chất lượng sinh trưởng kém;

Trong thí dụ của xã QL có rất ít loại rừng này, nên xã QL đã không đưa vào kế hoạch nội dung làm giàu rừng;

- Trồng cây phân tán, được tính bằng cây trồng phân tán và thường được xã phát động trồng hàng năm.

(Để xác định các chỉ tiêu trên, ngoài việc căn cứ vào quỹ đất, cần căn cứ vào năng lực vốn đầu tư và nhu cầu của người dân)

Đồng thời với việc xác định kế hoạch trồng rừng, cần xác định nhu cầu về cây con cho trồng rừng, về từng loài cây và khả năng cung cấp tại địa phương.

b) Khai thác gỗ và lâm sản, bao gồm:

- Khai thác chính gỗ rừng tự nhiên được xác định trên cơ sở diện tích rừng sản xuất là rừng giàu và đã đến thời kỳ khai thác theo quy định; đối với các lâm trường, công ty lâm nghiệp khai thác chính được xác định thông qua phương án điều chế rừng;

- Khai thác gỗ rừng trồng: Dựa vào tuổi của rừng trồng và nhu cầu của thị trường để xác định diện tích và sản lượng khai thác. Khai thác lâm sản trong rừng trồng cần căn cứ vào mức độ xung yếu về phòng hộ của rừng sản xuất thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 8 Mục II của Thông tư số 99/2006/TT-BNN, ngày 06 tháng 11 năm 2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện một số điều của Quy chế quản lý rừng ban hành kèm theo quyết định số

186/2006/QĐ-TTg, ngày 14 tháng 8 năm 2006 của Thủ tướng chính phủ

- Khai thác tận thu, tận dụng gỗ (nếu có) thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước. Đối với diện tích rừng tự nhiên là rừng sản xuất đã giao cho các hộ gia đình hay cộng đồng dân cư thôn, việc khai thác có thể được thực hiện trên cơ sở khai thác tác động thấp nhằm đáp ứng những nhu cầu thiết yếu của người dân; Sản lượng khai thác trong trường hợp này được xác định dựa vào nhu cầu của dân và tổng sản lượng trên địa bàn khai thác hàng năm không vượt quá lượng tăng trưởng của rừng.

- Khai thác tia thưa: đối tượng là rừng trồng nuôi dưỡng để thành rừng thành thực.

- Tre, luồng: dựa vào hiện trạng rừng và độ tuổi để xác định sản lượng cụ thể;

- Song mây và các loại lâm sản ngoài gỗ khác, các loại dược liệu (nếu có) xác định trên cơ sở lượng khai thác bình thường hàng năm. Với những loại lâm sản đã bị cạn kiệt nhiều ở địa phương thì giảm ngay sản lượng khai thác cho đến khi rừng được phục hồi....;

- Nhựa thông: Được xác định lượng khai thác bình thường hàng năm trên cả rừng sản xuất và rừng phòng hộ (nếu được phép khai thác).

Thí dụ của xã QL nêu trên: Theo số liệu cơ bản của xã, việc xác định khai thác rừng tự nhiên là không có; khai thác rừng trồng được xác định là rừng trồng Keo và Bạch đàn từ 8 tuổi trở lên: 10 ha (năm 2008). Khai thác tia thưa rừng thông nhựa tuổi 8 trở lên đến 12 tuổi theo bài cây khai thác hàng năm. Sản lượng khai thác được tính toán dựa trên trữ lượng bình quân của rừng trồng đã được nêu trong phân hiện trạng, ở đây là 50 m<sup>3</sup>/ha.

c) Bảo vệ rừng (rừng tự nhiên, rừng trồng):

Được xác định là toàn bộ diện tích rừng hiện có và diện tích khoanh nuôi tái sinh, cộng với diện tích rừng mới trồng, trừ đi diện tích khai thác trắng rừng trồng hay rừng nghèo kiệt được cải tạo trong năm.

Thí dụ của xã QL: Theo số liệu hiện trạng rừng của xã nêu trên. Ta xác định được diện tích phải bảo vệ rừng hiện có là 2770 ha (trong đó 2443 ha rừng hiện có và 327 ha diện tích khoanh nuôi) cho năm 2006, 2007. Năm 2008 tổng diện tích phải bảo vệ là 2770 ha của cuối năm 2007, cộng với diện tích trồng mới năm 2008 45 ha, trừ đi diện tích khai thác rừng trồng năm 2008 là 10 ha, vậy diện tích phải bảo vệ năm 2008 là 2805 ha. Kế hoạch năm 2010, diện tích bảo vệ 2008

cộng với diện tích trồng rừng mới (năm 2009 và 2010) 100 ha, trừ đi số khai thác trắng trong 2 năm 20 ha, diện tích rừng phải bảo vệ sẽ là 2885 ha.

d) Xây dựng cơ sở hạ tầng lâm nghiệp: Việc xác định nhu cầu xây dựng các công trình là cơ sở hạ tầng lâm nghiệp (đường lâm nghiệp, các công trình phòng chống cháy và bảo vệ rừng, các công trình phục vụ cho quản lý rừng và các hoạt động lâm nghiệp khác..) được căn cứ vào điều kiện và hoàn cảnh cụ thể của địa phương và cơ sở. Các cơ sở hạ tầng lâm nghiệp

có thể được xác định cho từng loại rừng (rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất), cho từng chủ rừng hay từng nguồn vốn đầu tư. Việc đầu tư cơ sở hạ tầng lâm nghiệp từng năm, từng thời kỳ có thể là xây dựng mới, sửa chữa lớn, sửa chữa nhỏ trong năm..

Tất cả các chỉ tiêu kế hoạch được tổng hợp vào Biểu 01/KH như trong hướng dẫn trong phụ lục kèm theo Thông tư này.

Thí dụ đối với xã QL nêu trên được thể hiện trong biểu 01 sau đây:

### Biểu 01/KH

#### KẾ HOẠCH BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG CỦA XÃ QL

Chỉ tiêu	Đ/vị tính	TS 5 năm 2006 - 2010	TH. 2006	TH. 2007	2008	2009	2010	Ghi chú
Tổng cộng								
1. Bảo vệ và phát triển rừng								
- Bảo vệ rừng	Ha		2770	2770	2805	2845	2885	
- Khoanh nuôi tái sinh rừng	Ha		327	327	327	327	327	
- Trồng rừng	Ha	145			45	50	50	
- Chăm sóc rừng	Ha	145			45	95	145	
- Trồng rừng trong cải tạo rừng	Ha	-	-	-	-	-	-	

Chỉ tiêu	Đ/vị tính	TS 5 năm 2006 - 2010	TH. 2006	TH. 2007	2008	2009	2010	Ghi chú
2. Trồng cây phân tán	Tr. cây	0.5	0.1	0.1	0.1	0.1	0.1	
3. Sản xuất cây con giống lâm nghiệp	Tr. cây		1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
4. Khai thác rừng								
- Gỗ	M <sup>3</sup>	1590			530	530	530	
- Nhựa thông	Tấn	314	50	60	68	68	68	
5. Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng	1000đ							
- Làm đường lâm nghiệp	km	4	-	-	-	2	2	
- XD chòi canh lửa	cái	4	-	-	-	2	2	
- Làm đường ranh cản lửa	km	5	-	-	-	2,5	2,5	
I. Rừng phòng hộ								
- Bảo vệ rừng	Ha		1758	1758	1758	1758	1758	
Trong đó: Khoán bảo vệ rừng PH (DA 661)	Ha		459	459	459	459	459	
- Khoanh nuôi tái sinh rừng	Ha		327	327	327	327	327	
- Trồng rừng phòng hộ	Ha							
+ Đầu nguồn	Ha							
- Chăm sóc	Ha							

09644904

Chỉ tiêu	Đ/vị tính	TS 5 năm 2006 - 2010	TH. 2006	TH. 2007	2008	2009	2010	Ghi chú
- Làm đường lâm nghiệp	km							
- Làm chòi canh lửa	cái							
- Làm đường ranh cản lửa	km							
II. Rừng sản xuất								
- Bảo vệ rừng	Ha		1012	1012	1047	1087	1127	
- Khoanh nuôi tái sinh rừng	Ha							
- Trồng rừng:	Ha	145	-	-	45	50	50	
+ Trồng mới	Ha	115	-	-	35	40	40	
+ Trồng lại rừng sau KT	Ha	30	-	-	10	10	10	
+ Trồng lại rừng trong cải tạo rừng	Ha	-	-	-	-	-	-	
- Chăm sóc	Ha	145			45	95	145	
- Khai thác lâm sản								
+ Gỗ	M <sup>3</sup>	1590			530	530	530	
+ Nhựa thông	Tấn	314	50	60	68	68	68	
- Làm đường lâm nghiệp	km	4				2	2	
- Làm chòi canh lửa	cái	4				2	2	
- Làm đường ranh cản lửa	km	5				2,5	2,5	

09544902

đ) Xác định nhu cầu vốn đầu tư và chi phí bảo vệ rừng:

Tổng mức đầu tư cho các hoạt động lâm sinh và chi phí bảo vệ rừng được tính cho các hoạt động: Trồng rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng, làm giàu rừng, tía thưa rừng và bảo vệ rừng. Các chi phí khai thác rừng được hạch toán và phân bổ chi phí trực tiếp vào giá thành sản phẩm nên không tính trong chi phí đầu tư này.

Việc phân bổ và xác định các nguồn vốn đầu tư thực hiện trên cơ sở các quy định hiện hành của Nhà nước, trong đó: việc đầu tư cho phát triển rừng sản xuất là trách nhiệm của chủ rừng, Nhà nước có thể có một số chính sách hỗ trợ cho các chủ rừng theo những quy định cụ thể; việc đầu tư cho bảo tồn và phát triển rừng đặc dụng và phòng hộ là rừng của Nhà nước là trách nhiệm chủ yếu của Nhà nước; Nhà nước hỗ trợ một phần chi phí đầu tư cho bảo vệ và phát triển rừng đặc dụng và rừng phòng hộ của các thành phần kinh tế khác. Bảo vệ rừng là trách nhiệm chung của toàn xã hội, của các chủ rừng, Nhà nước chỉ đầu tư hỗ trợ việc khoán bảo vệ rừng cho một số diện tích rừng đặc dụng và rừng phòng hộ mà Nhà nước trực tiếp quản lý và có nguy cơ xâm hại cao. Việc đầu tư của Nhà nước được thực hiện theo các Đề án, Dự án đầu tư được duyệt.

Thí dụ: Với xã QL nêu trên, nhu cầu vốn đầu tư và chi phí bảo vệ rừng năm 2008 được xác định gồm:

Trồng rừng và chăm sóc RT sản xuất năm thứ 1:  $45 \text{ ha} \times 4 \text{ triệu đ/ha} = 180 \text{ triệu đ}$ .

Khoanh nuôi tái sinh rừng:  $327 \text{ ha} \times 100.000 \text{ đ/ha} = 32,7 \text{ triệu đ}$ .

Bảo vệ rừng (không bao gồm BVR rừng trồng mới và DT khoanh nuôi tái sinh:  $2433 \text{ ha} \times 100.000 \text{ đ/ha} = 243,3 \text{ triệu đ}$ .

Cơ sở hạ tầng khác năm 2008 chưa xây dựng.

Tổng chi phí đầu tư và bảo vệ rừng là: 455 triệu đồng.

Vì xã QL chưa nằm trong vùng dự án 661 của huyện, nên năm 2008 chủ yếu các cộng đồng dân cư và nhân dân trong xã sẽ tự đầu tư (có thể các gia đình sẽ vay tín dụng ngân hàng theo quy định).

Nếu xã QL nằm trong dự án 661 thì xã đã có thể đề nghị Nhà nước đầu tư năm 2008 các khoản sau:

- Khoanh nuôi tái sinh rừng phòng hộ:  $327 \text{ ha} = 32,7 \text{ triệu đồng}$ ;

- Hỗ trợ khoán bảo vệ rừng phòng hộ:  $1000 \text{ ha} = 100 \text{ triệu đồng}$ ;

- Hỗ trợ trồng rừng sản xuất mới và chăm sóc năm thứ nhất:  $35 \text{ ha} \times 2 \text{ triệu đ/ha} = 70 \text{ triệu đồng}$ ;

- Các năm sau có thể đề nghị Nhà nước hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng: 300 triệu đồng

+ Đường lâm nghiệp: 4 km x 50 triệu đ/km = 200 triệu đồng

+ Chòi canh: 4 chòi x 12, 5 triệu đ/cái = 50 triệu đồng

+ Đường ranh cản lửa: 5 km x 10 triệu đ/km = 50 triệu đồng

Địa phương đề nghị được nhà nước đầu tư hay hỗ trợ. Tuy nhiên Nhà nước sẽ tùy vào khả năng cân đối mà chấp nhận mức hỗ trợ cụ thể.

### Biểu 02/KH

## DỰ KIẾN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG CỦA XÃ QL

Giá thực tế....., Triệu đồng

Chi tiêu	Tổng số	2006	2007	2008	2009	2010	Ghi chú
Tổng vốn đầu tư	2167.0	-	-	551.0	751.0	751.0	
- Ngân sách xã	417.0	38	76	101.0	101.0	101.0	
- Vay tín dụng	700.0	-	-	200.0	250.0	250.0	
- Vốn ODA	-	-	-	-	-	-	
- Vốn doanh nghiệp, HTX	-	-	-	-	-	-	
- Vốn đầu tư của hộ gia đình	750.0	-	-	250.0	250.0	250.0	
- Vốn FDI	-	-	-	-	-	-	
- Vốn khác (quỹ BVPTR, cộng đồng)	503.0			101.0	201.0	201.0	
1. Quản lý bảo vệ	417.0	38	76	101.0	101.0	101.0	
- Ngân sách xã	417.0	38	76	101.0	101.0	101.0	

Chi tiêu	Tổng số	2006	2007	2008	2009	2010	Ghi chú
- Tín dụng đầu tư nhà nước							
- Vốn ODA							
- Vốn doanh nghiệp, HTX							
2. Phát triển rừng	1450.0			450.0	500.0	500.0	
- Ngân sách nhà nước							
- Vay tín dụng	700.0			200.0	250.0	250.0	
- Vốn ODA							
- Vốn doanh nghiệp, HTX							
- Hộ gia đình	750.0			250.0	250.0	250.0	
3. Khai thác rừng							
- Khai thác gỗ							
- Khai thác nhựa							
.....							
4. Khoa học công nghệ							
.....							
5. Xây dựng hạ tầng cơ sở	300.0				150.0	150.0	
- Đường lâm nghiệp	200.0				100.0	100.0	
- Chòi canh	50.0				25.0	25.0	
- Đường ranh cản lửa	50.0				25.0	25.0	



2.3. Xác định các giải pháp thực hiện kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng chủ yếu như: tổ chức quản lý rừng; bảo vệ rừng; sử dụng và phát triển rừng;

Thí dụ của xã QL có thể đưa một số giải pháp sau:

- Hoàn thiện giao rừng và đất lâm nghiệp cho hộ gia đình, cộng đồng dân cư thôn, lực lượng vũ trang; phấn đấu đến năm 2010 thực hiện giao:

+ Đối với rừng phòng hộ: hiện đã giao cho huyện đội: 800 ha; dự kiến sẽ giao 632 ha (Ban quản lý rừng phòng hộ của huyện 173 ha; các cộng đồng dân cư thôn trên địa bàn xã: 459 ha).

+ Đối với rừng sản xuất: tiến hành giao cho các hộ gia đình, cá nhân 679 ha; cộng đồng dân cư thôn 120 ha; Huyện đội 50 ha và Lâm trường Quảng Trạch 357 ha.

- Tổ chức quản lý, bảo vệ, sử dụng và phát triển rừng:

+ Duy trì và củng cố tổ chuyên trách bảo vệ rừng của xã, có lịch tuần tra bảo vệ nhằm phát hiện và ngăn chặn kịp thời những tác nhân xâm hại đến rừng;

+ Xây dựng quy ước thôn bản về bảo vệ và phát triển rừng làm cho cộng đồng biết rõ được trách nhiệm và quyền lợi khi tham gia bảo vệ và phát triển rừng cộng đồng trước mắt cũng như lâu dài...

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo và nâng cao năng lực, trình độ cho cán bộ lâm nghiệp xã. Chú trọng các hoạt động đào tạo, tập huấn kỹ thuật làm rừng và khuyến lâm cho người dân...

- Sử dụng giống chất lượng cao trồng rừng như: Keo lai, Bạch đàn cao sản, trồng rừng thâm canh.

- Huy động mọi nguồn lực trong nhân dân cho đầu tư bảo vệ, sử dụng và phát triển rừng; cung cấp thông tin, hỗ trợ nhân dân tìm thị trường tiêu thụ sản phẩm.

2.4. Các đơn vị vũ trang, các ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng; tổ chức kinh doanh trên địa bàn xã, ngoài việc lập kế hoạch theo nội dung trên đây, tùy theo mục đích và nhiệm vụ của đơn vị mình mà xây dựng thêm một số nội dung liên quan đến việc bảo vệ và phát triển rừng như chế biến, sản xuất nông lâm kết hợp.... và báo cáo về Ủy ban nhân dân cấp xã để tổng hợp.

## II. KẾ HOẠCH BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG CẤP HUYỆN.

### 1. Trình tự

1.1. Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức và chỉ đạo việc lập kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng của địa phương; Hạt Kiểm lâm là cơ quan có trách nhiệm chủ trì, phối hợp cùng các ban ngành liên

quan triển khai xây dựng kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng của huyện.

1.2. Căn cứ để xây dựng kế hoạch là: thực trạng rừng và đất lâm nghiệp trên địa bàn huyện, tình hình thực hiện kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng kỳ kế hoạch trước, báo cáo kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng của các xã và các chủ rừng trong huyện, định hướng kế hoạch cho huyện của cấp tỉnh (nếu có).

Kế hoạch BV&PTR cấp huyện có các chỉ tiêu về khối lượng và vốn đầu tư, các giải pháp thực hiện và hiệu quả trong việc thu hút nguồn lao động, hiệu quả về môi trường...

### 1.3. Trình và phê duyệt.

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi hồ sơ kế hoạch trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng cùng với kế hoạch phát triển kinh tế xã hội chung của địa phương. Hồ sơ gồm:

- Tờ trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng, nếu UBND huyện chỉ trình riêng kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng mà không trình đồng thời với hệ thống kế hoạch phát triển kinh tế xã hội chung của huyện (thực hiện theo mẫu số 04/TTKH của Phụ lục kèm theo Thông tư này);

- Báo cáo và hệ thống bảng biểu kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng.

b) Sau khi đã được Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua, Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định về kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng của địa phương và tổ chức, chỉ đạo thực hiện kế hoạch đó.

## 2. Nội dung.

Huyện là đơn vị tổ chức xây dựng kế hoạch đồng thời với việc tổng hợp các chỉ tiêu kế hoạch từ các xã và các đơn vị cơ sở thuộc huyện; Nội dung xây dựng kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng của cấp huyện bao gồm các chỉ tiêu tổng hợp trên toàn địa bàn và chi tiết đến các xã và các đơn vị cơ sở lâm nghiệp trong huyện.

Nội dung cụ thể như sau:

2.1. Phân tích, đánh giá hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp trên địa bàn huyện, tình hình thực hiện kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng kỳ trước, gồm:

- Mô tả hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp, nêu rõ diễn biến về rừng và đất lâm nghiệp trong thời gian vừa qua, tiềm năng phát triển rừng và khai thác, chế biến lâm sản

- Đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch bảo vệ, phát triển và sử dụng rừng kỳ trước. Phân tích kết quả đạt được trong bảo vệ và phát triển rừng, nguyên nhân của những tồn tại, yếu kém trong việc thực hiện kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng.

2.2. Phân tích và xác định các chỉ tiêu kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng trong kỳ kế hoạch.

Kế hoạch hàng năm được xác định cụ thể đến từng đơn vị và được cân đối cụ thể, nhất là về khả năng đầu tư và diện tích đất cụ thể cho các hoạt động lâm sinh;

Kế hoạch 5 năm được xác định rõ tiến độ hàng năm cho từng loại rừng đặc dụng, phòng hộ và sản xuất và có thể được xác định đến các xã, các đơn vị lâm nghiệp trên địa bàn của huyện.

Tất cả các chỉ tiêu trên được xác định và tổng hợp vào các biểu được hướng dẫn tại mục II, Phần III của Phụ lục Thông tư.

Hệ thống chỉ tiêu kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng của cấp huyện gồm:

- Bảo vệ rừng hiện có theo 3 loại rừng: đặc dụng, phòng hộ, sản xuất, trong đó xác định diện tích rừng do các chủ rừng, cộng đồng dân cư địa phương tự bảo vệ và số diện tích rừng được Nhà nước hỗ trợ bảo vệ. Trong kế hoạch 5 năm, kế hoạch bảo vệ rừng được xác định cụ thể cho từng năm.

- Khoanh nuôi tái sinh rừng:

+ Khoanh nuôi tái sinh không trồng bổ sung theo 3 loại rừng: đặc dụng, phòng hộ, sản xuất;

+ Khoanh nuôi tái sinh có trồng bổ

sung theo 3 loại rừng: đặc dụng, phòng hộ, sản xuất;

- Trồng rừng theo 3 loại rừng: đặc dụng, phòng hộ, sản xuất; Trong đó nêu rõ rừng trồng mới, rừng trồng lại sau khai thác, rừng trồng trong cải tạo rừng tự nhiên là rừng sản xuất nghèo kiệt.

Xác định tổng nhu cầu từng loại cây con cho trồng từng loại rừng trên địa bàn và khả năng cung ứng tại địa phương;

- Cải tạo rừng sản xuất.

- Khai thác rừng, trong đó khai thác chính rừng sản xuất (rừng tự nhiên và rừng trồng), khai thác tận dụng rừng sản xuất và rừng phòng hộ. Trong khai thác có:

+ Khai thác gỗ, gồm cả củi, nguyên liệu giấy từ gỗ...;

+ Khai thác lâm sản ngoài gỗ: tre nứa kể cả nguyên liệu giấy, song mây, nhựa thông, dược liệu...

- Xây dựng cơ sở hạ tầng: làm đường lâm nghiệp, đường ranh cản lửa, các công trình bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng, vườn ươm cây giống lâm nghiệp..

Ngoài những chỉ tiêu bảo vệ phát triển rừng như cấp xã, cấp huyện cụ thể hóa thêm chỉ tiêu về giao đất giao rừng, về khuyến lâm, chỉ tiêu của các dự án bảo vệ phát triển rừng trên địa bàn huyện như Dự án 661 (phân bổ đến từng cơ sở xã, các đơn vị lâm nghiệp trên địa bàn), cụ

thể hóa kế hoạch đầu tư từ ngân sách nhà nước, kế hoạch tín dụng cho vay cho bảo vệ và phát triển rừng..

Việc xác định các chỉ tiêu kế hoạch của cấp huyện chủ yếu căn cứ vào thực trạng rừng và tình hình thực tế của địa phương. Tuy nhiên, với những chỉ tiêu kế hoạch có liên quan đến nguồn lực đầu tư của Nhà nước thì còn phải căn cứ vào chỉ tiêu phân bổ nguồn lực hay chỉ tiêu kế hoạch (số kiểm tra) của cấp tỉnh.

2.3. Xác định các giải pháp thực hiện kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng chủ yếu như:

- Giải pháp tổ chức; giao đất giao rừng;
- Chuyên giao công nghệ;
- Đào tạo nguồn nhân lực;
- Huy động vốn;
- Xây dựng cơ sở hạ tầng...

2.4. Xây dựng dự thảo báo cáo và hệ thống biểu kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng. Nội dung thực hiện theo Mẫu 02/BCKH và biểu được hướng dẫn tại Phần IV của Phụ lục kèm theo Thông tư này.

### III. KẾ HOẠCH BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG CẤP TỈNH

#### 1. Trình tự

##### 1.1. Sở Nông nghiệp và Phát triển

nông thôn là cơ quan trực tiếp chủ trì phối hợp với các sở, ban ngành liên quan triển khai việc xây dựng và tổng hợp kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng của các huyện và các đơn vị chủ rừng trực thuộc cấp tỉnh quản lý.

1.2. Căn cứ để xây dựng kế hoạch là: thực trạng rừng và đất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh, tình hình thực hiện kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng kỳ kế hoạch trước, báo cáo kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng của các huyện và các chủ rừng trong tỉnh, các đề án, dự án bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn, dự báo về nhu cầu lâm sản, môi trường, tình hình bảo vệ và phát triển rừng thời gian tới, các Nghị quyết của Đảng và định hướng kế hoạch cho tỉnh của TƯ (nếu có).

Kế hoạch BV&PTR cấp tỉnh có các chỉ tiêu về khối lượng và vốn đầu tư, các giải pháp thực hiện và hiệu quả trong việc thu hút nguồn lao động, hiệu quả về môi trường...

#### 1.3. Trình và phê duyệt.

a) Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng của tỉnh (Nếu trùng với dịp báo cáo kế hoạch kinh tế - xã hội chung của tỉnh thì kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng được trình đồng thời và lồng ghép trong kế hoạch kinh tế - xã hội của địa phương). Hồ sơ gồm:

- Tờ trình Hội đồng nhân dân tỉnh (theo mẫu số 04/TTKH của Phụ lục kèm theo Thông tư này);

- Báo cáo tóm tắt và hệ thống bảng biểu kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng.

b) Sau khi kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng và chỉ đạo việc thực hiện.

Hệ thống chỉ tiêu của kế hoạch BV&PTR hàng năm của tỉnh được cụ thể hóa cho từng huyện và các chủ rừng lớn (các ban quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, các lâm trường, công ty lâm nghiệp do cấp tỉnh quản lý); Kế hoạch 05 năm được cụ thể hóa đến từng năm và đến từng huyện trong tỉnh.

## 2. Nội dung

2.1. Phân tích, đánh giá việc thực hiện kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng kỳ trước gồm có:

- Đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng kỳ trước, trong đó đối với từng loại rừng đặc dụng, phòng hộ và sản xuất, bao gồm:

+ Diện tích rừng được bảo vệ (trong đó có diện tích khoán bảo vệ rừng của nhà nước; diện tích rừng được bảo vệ

bằng ngân sách địa phương và diện tích chủ rừng tự bảo vệ)

+ Diện tích trồng rừng (trong đó: trồng mới 3 loại rừng, trồng lại rừng sản xuất sau khai thác, trồng lại rừng trong cải tạo rừng tự nhiên là rừng sản xuất nghèo kiệt);

+ Khoanh nuôi rừng, trong đó khoanh nuôi có trồng bổ sung (của 3 loại rừng);

+ Làm giàu rừng;

+ Khai thác rừng (rừng tự nhiên, rừng trồng), trong đó: khai thác chính, khai thác tận dụng, tận thu lâm sản sau khai thác;

+ Trồng cây phân tán...;

+ Giao đất, giao rừng...

- Hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp toàn tỉnh; Phân tích các biến động về đất đai, diễn biến rừng trong thời gian qua, dự báo về những khả năng thay đổi mục đích sử dụng đất lâm nghiệp trong thời gian tới.

- Phân tích đánh giá các thông tin về kinh tế - xã hội liên quan đến bảo vệ và phát triển rừng trong kỳ kế hoạch tới, dự báo phát triển và tốc độ tăng trưởng trong các hoạt động bảo vệ và phát triển rừng; tính toán cân đối về cung - cầu lâm sản; về xuất nhập khẩu lâm sản; cân đối nhu cầu vốn đầu tư, vật tư, giống cây lâm nghiệp...

- Những tồn tại, yếu kém và nguyên nhân trong việc thực hiện kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng.

2.2. Xác định chỉ tiêu kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng trong kỳ kế hoạch 5 năm và xác định rõ tiến độ hàng năm, cho từng loại rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất, gồm có:

a) Bảo vệ rừng (trong đó trách nhiệm bảo vệ rừng trực tiếp của Nhà nước và nhà nước giao khoán bảo vệ đối với rừng phòng hộ, đặc dụng);

b) Khai thác gỗ và lâm sản:

- Gỗ (rừng tự nhiên, rừng trồng), trong đó khai thác chính, khai thác tận dụng, tận thu lâm sản sau khai thác và khác; cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp: giấy, trụ mỏ, ván nhân tạo, gỗ gia dụng...;

- Tre, luồng;

- Nhựa thông;

- Song mây;

- Dược liệu...;

c) Phát triển rừng:

- Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng (trong đó có trồng bổ sung), cho từng loại rừng đặc dụng và phòng hộ;

- Trồng rừng tập trung (trong đó trồng mới 3 loại rừng, trồng lại rừng sản xuất sau khai thác, trồng lại rừng trong cải tạo rừng tự nhiên là rừng sản xuất nghèo kiệt);

- Làm giàu rừng;

- Trồng cây phân tán.

- Xác định tổng nhu cầu cây con cho trồng rừng và trồng cây phân tán trên địa bàn và khả năng cung cấp tại địa phương.

- Xây dựng cơ sở hạ tầng lâm nghiệp: Tổng nhu cầu xây dựng cơ sở hạ tầng lâm nghiệp, như: Làm đường lâm nghiệp, các công trình phòng chống cháy rừng, các khu rừng giống, vườn giống, vườn ươm cây giống lâm nghiệp..

d) Giao đất, giao rừng

2.3. Xây dựng các giải pháp thực hiện:

- Giải pháp về tổ chức;

- Việc triển khai thực hiện nhiệm vụ kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng;

- Dự kiến tổng vốn đầu tư theo dự án, theo năm, theo nguồn vốn và các giải pháp huy động vốn;

- Khoa học công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực;

- Xây dựng cơ sở hạ tầng.

2.4. Xây dựng dự thảo báo cáo và hệ thống các bảng biểu kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng. Nội dung thực hiện theo Mẫu 02/BCKH và các biểu được hướng dẫn trong Phần III của Phụ lục kèm theo Thông tư này.

### Phần III

## TRÌNH TỰ, NỘI DUNG LẬP, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT QUY HOẠCH BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG

### I. QUY HOẠCH BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG CẤP XÃ

#### 1. Trình tự

##### 1.1. Tổ chức xây dựng quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng

Ít nhất là trước 6 tháng của kỳ quy hoạch mới, Ủy ban nhân dân xã tổ chức việc lập quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng của địa phương; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm chỉ đạo các ban ngành liên quan và kiểm lâm địa bàn kết hợp với cán bộ địa chính trực tiếp triển khai thực hiện xây dựng quy hoạch bảo vệ phát triển rừng.

##### 1.2. Điều tra thu thập thông tin

###### a) Thu thập thông tin:

- Tài liệu, bản đồ hiện trạng rừng và quy hoạch 3 loại rừng tại thời điểm làm quy hoạch;

- Tình hình thực hiện quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng kỳ trước;

- Tài liệu các dự án đầu tư, phương án điều chế rừng của các chủ quản lý (nếu có)...;

- Kết quả quy hoạch sử dụng đất đai của địa phương;

- Tình hình chung về kinh tế xã hội của địa phương;

###### b) Yêu cầu thông tin:

- Thời gian điều tra, thu thập về hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp không quá hai (02) năm trở về trước;

- Đơn vị thống kê số liệu phục vụ cho lập quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng là các chủ quản lý sử dụng rừng lớn của xã, hoặc theo thôn xóm nếu là rừng của các hộ gia đình;

1.3. Tổng hợp thông tin và xây dựng dự thảo hồ sơ quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng.

1.4. Thẩm định và trình duyệt: thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Luật bảo vệ và phát triển rừng và Điều 13 Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ về thi hành Luật bảo vệ và phát triển rừng.

#### 2. Nội dung

2.1. Thống kê hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp theo các biểu đã trình bày tại điểm 2.1 khoản 2 mục I Phần II của Thông tư này.

2.2. Những đề nghị điều chỉnh quy hoạch rừng và đất lâm nghiệp (nếu có):

2.3. Dự báo hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp đến cuối kỳ quy hoạch: Diễn biến

về diện tích và phân bố các trạng thái rừng trong kỳ quy hoạch theo các loại rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất đến chủ rừng. Tổng hợp theo Biểu 01/QH, Biểu 02/QH quy định tại mục II Phần II của Phụ lục kèm theo Thông tư.

2.4. Xác định phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ bảo vệ, phát triển và sử dụng rừng trong thời kỳ quy hoạch: căn cứ vào quy hoạch bảo vệ phát triển rừng, định hướng phát triển kinh tế xã hội và tình hình tài nguyên rừng của xã để xác định một số chỉ tiêu nhiệm vụ bảo vệ phát triển rừng chủ yếu cho kỳ quy hoạch: bảo vệ rừng; trồng rừng mới tập trung; xây dựng cơ sở hạ tầng lâm nghiệp; khai thác gỗ; khai thác lâm sản ngoài gỗ....

Các chỉ tiêu và nội dung chủ yếu của quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng cũng là các chỉ tiêu kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng được trình bày ở phần I của Thông tư này.

Thí dụ: Căn cứ hiện trạng nêu trên của xã QL, ta có thể xác định các nhiệm vụ chủ yếu trong kỳ quy hoạch 2011 - 2020 như sau:

- Bảo vệ toàn bộ diện tích rừng hiện có.
- Tổng diện tích trồng rừng trong kỳ quy hoạch 750 ha, trong đó trồng mới là 80 ha và trồng lại: 670 ha.

- Trồng cây phân tán: 0,1 triệu cây/năm.

- Khai thác lâm sản đến năm 2020: sản xuất 3500 m<sup>3</sup> gỗ/năm; 5000 ster củi/năm

- Lâm sản ngoài gỗ đạt giá trị 1600 triệu đồng/năm (nhựa thông: 1.400 triệu và lâm sản khác 160 triệu)

2.5. Xác định các biện pháp kỹ thuật chủ yếu, tiến độ thực hiện và các biện pháp huy động vốn đầu tư về bảo vệ, phát triển rừng đặc dụng, phòng hộ và sản xuất, bao gồm:

a) Bảo vệ rừng (rừng tự nhiên, rừng trồng) năm đầu kỳ và năm cuối kỳ (chú ý là diện tích này có biến động hàng năm do khai thác, trồng mới làm giảm hoặc tăng).

Thí dụ đối với xã QL: theo số liệu trên đây ta có thể xác định diện tích bảo vệ cho các loại rừng như sau:

- Đối tượng: Toàn bộ diện tích rừng tự nhiên và rừng trồng sản xuất hiện có.

- Khối lượng: Đầu kỳ là 2443 ha rừng hiện có; cuối kỳ là diện tích rừng hiện có trừ đi diện tích rừng khai thác, cộng với diện tích rừng trồng mới là 2965 ha.

b) Khai thác rừng

- Đối tượng và sản lượng khai thác rừng tự nhiên (khai thác chính, khai thác tận dụng); năm đầu, năm cuối và bình



quân cả kỳ quy hoạch; khai thác lâm sản theo mức độ xung yếu về phòng hộ của rừng sản xuất thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 8 Mục II của Thông tư số 99/2006/TT-BNN, ngày 06 tháng 11 năm 2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng thực hiện một số điều của Quy chế quản lý rừng ban hành kèm theo quyết định số 186/2006/QĐ-TTg, ngày 14 tháng 8 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ

- Đối tượng và sản lượng khai thác rừng trồng năm đầu, năm cuối và bình quân cả kỳ quy hoạch.

Thí dụ đối với xã QL: trên cơ sở hiện trạng rừng nêu trên việc xác định khai thác được thực hiện như sau:

\* Khai thác gỗ rừng sản xuất

- Đối tượng: Rừng trồng (8 năm trở lên và; khai thác tia thưa rừng thông nhựa).

- Phương thức khai thác: Đối với rừng trồng chặt trắng theo đám hoặc theo băng nếu rừng có mức xung yếu phòng hộ là xung yếu, khai thác trắng khi có mức độ xung yếu phòng hộ là ít xung yếu. Đối với tia thưa rừng thông nhựa chặt tia những cây bài chặt.

- Khối lượng: 39.800 m<sup>3</sup>; trong đó khai thác từ rừng trồng Bạch đàn, keo là 700 ha tương ứng 35.000 m<sup>3</sup>, khai thác tia thưa rừng thông nhựa là 320 ha tương ứng 4.800 m<sup>3</sup>.

\* Khai thác lâm sản ngoài gỗ

- Nhựa thông

+ Đối tượng: khai thác chính rừng Thông nhựa trồng từ 15 tuổi trở lên; khai thác tia thưa ở những diện tích từ tuổi 10 đến dưới 15.

+ Khối lượng: 2958 tấn; trong đó giai đoạn 2011 - 2015 khai thác chính 120; sau năm 2015 khai thác chính 165 ha.

- Hạt giẻ

+ Đối tượng: Rừng Giẻ tự nhiên.

+ Khối lượng: 390 tấn

+ Lâm sản khác: 26 tấn

- Tiên độ khai thác LSNG.

c) Phát triển rừng: xác định các nội dung khoanh nuôi tái sinh, trồng rừng mới tập trung, cho từng loại rừng: phòng hộ, đặc dụng, sản xuất.

Thí dụ với xã QL nêu trên:

- Đối với rừng phòng hộ: Khoanh nuôi tái sinh tự nhiên rừng: 327 ha trạng thái IC (từ 2008 đến 2012), ở giai đoạn sau là rừng cần bảo vệ.

- Đối với rừng sản xuất:

+ Trồng rừng tập trung:

Trồng mới (giai đoạn 2011 - 2015 là kết thúc): 80 ha, trong đó trạng thái IB: 60 ha cộng với trạng thái IC: 20 ha; Bình quân 15 ha/năm.

Trồng lại rừng sau khai thác: 670 ha.

- Trồng cây phân tán: dự kiến là 0,1 triệu cây hàng năm trên các tuyến đường đồng ruộng, trường học, liên thôn, liên xã.

d) Các hoạt động khác (nếu có)

- Xây dựng hạ tầng cơ sở: xác định khối lượng, vốn đầu tư làm mới hay sửa chữa đường lâm nghiệp, hệ thống phòng chống lửa rừng, vườn ươm....

2.6. Xác định các giải pháp thực hiện quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng theo các nội dung chính:

- Bảo vệ rừng;
- Phát triển rừng;
- Khai thác sử dụng rừng;
- Giồng;
- Vốn....

2.7. Tổng hợp nhu cầu vốn đầu tư theo nguồn vốn, theo giai đoạn đầu tư (theo thời giá hiện tại) và các giải pháp huy động vốn:

Thí dụ khái toán vốn cho Xã QL nêu trên như sau:

\* Bảo vệ rừng: 2500 ha (bình quân hàng năm) x 100.000 đ/ha x 10 năm = 2.500,0 triệu đồng

\* Trồng rừng: 750 ha x 10 triệu đ/ha = 7.500,0 triệu đồng.

\* Xây dựng cơ bản:

- Đường Lâm nghiệp: 13 km x 50 triệu đ/km = 650,0 triệu đồng.

- Chòi canh: 3 cái x 25 triệu đ/cái = 75,0 triệu đồng.

- Băng cản lửa: 12 km x 10 triệu đ/km = 120,0 triệu đồng

2.8. Xây dựng dự thảo báo cáo quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng xã theo Mẫu 01B/BCQH và biểu quy định tại Phần II của Phụ lục kèm theo Thông tư này.

2.9. Tập hợp và in các bản đồ (nếu cần), bao gồm 2 loại: Bản đồ hiện trạng rừng và bản đồ quy hoạch ba loại rừng của địa phương.

## II. QUY HOẠCH BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG CẤP HUYỆN

### 1. Trình tự

1.1. Tổ chức xây dựng quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng

Trước 6 tháng của kỳ quy hoạch mới, Ủy ban nhân dân huyện tổ chức việc lập quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng của địa phương; Hạt Kiểm lâm huyện là cơ quan chủ trì phối hợp cùng các ban ngành liên quan thực hiện xây dựng quy hoạch bảo vệ phát triển rừng.

1.2. Điều tra thu thập thông tin theo

quy định tại điểm 1.2, khoản 1, mục I, Phần này.

1.3. Tổng hợp thông tin và xây dựng dự thảo hồ sơ quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng: theo quy định tại điểm 1.3, khoản 1, mục I, Phần này.

1.4. Hoàn thiện và trình duyệt quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng cấp huyện

a) Ủy ban nhân dân huyện tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các ban ngành và Ủy ban nhân dân các xã có liên quan (nếu cần); các ban quản lý rừng phòng hộ và đặc dụng, các doanh nghiệp lâm nghiệp trên địa bàn đề hoàn thiện báo cáo quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng của địa phương;

b) Thẩm định và trình duyệt: thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Luật bảo vệ và phát triển rừng và Điều 13 Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ về thi hành Luật bảo vệ và phát triển rừng.

## 2. Nội dung

2.1. Khái quát tình hình hiện trạng rừng và sử dụng đất lâm nghiệp.

2.2. Đề nghị điều chỉnh quy hoạch rừng và đất lâm nghiệp, Dự báo diễn biến diện tích và phân bố các trạng thái rừng trong kỳ quy hoạch theo các loại rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất.

2.3. Xác định phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ bảo vệ, phát triển và sử dụng rừng trong thời kỳ quy hoạch: căn cứ vào quy hoạch bảo vệ phát triển rừng, định hướng phát triển kinh tế xã hội và tình hình tài nguyên rừng của địa phương để xác định một số chỉ tiêu chủ yếu: bảo vệ rừng; trồng rừng mới tập trung; khai thác gỗ; khai thác lâm sản ngoài gỗ....

2.4. Xác định các biện pháp kỹ thuật chủ yếu, tiến độ thực hiện và vốn đầu tư về bảo vệ, phát triển các loại rừng đặc dụng, phòng hộ và sản xuất, gồm có:

a) Bảo vệ rừng (rừng tự nhiên, rừng trồng) năm đầu kỳ và năm cuối kỳ bao gồm: bảo vệ rừng đặc dụng, phòng hộ, sản xuất hiện có, chú ý là diện tích này có biến động hàng năm do khai thác, trồng mới làm giảm hoặc tăng;

b) Khai thác rừng

- Đối tượng và sản lượng khai thác rừng tự nhiên (khai thác chính, khai thác tận dụng); năm đầu, năm cuối và bình quân cả kỳ quy hoạch;

- Đối tượng và sản lượng khai thác rừng trồng năm đầu, năm cuối và bình quân cả kỳ quy hoạch;

- Tiến độ khai thác LSNG.

c) Phát triển rừng: xác định các nội dung khoanh nuôi tái sinh, trồng rừng mới tập trung, cho từng loại rừng: phòng hộ, đặc dụng, sản xuất;

d) Các hoạt động khác (nếu có): Xây dựng hạ tầng cơ sở: xác định khối lượng, vốn đầu tư đường lâm nghiệp, hệ thống phòng chống lửa rừng, vườn ươm...;

2.5. Xác định các giải pháp thực hiện quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng theo các nội dung chính:

- Bảo vệ rừng;
- Phát triển rừng;
- Khai thác sử dụng rừng;
- Giông;
- Vốn....

2.6. Tổng hợp nhu cầu vốn đầu tư theo nguồn vốn, theo giai đoạn đầu tư và các giải pháp huy động vốn: dự tính theo thời giá hiện tại.

2.7. Xác định danh mục các dự án ưu tiên cần đầu tư trọng điểm (nếu có), trong đó cần xác định mục đích dự án, dự kiến quy mô đầu tư, thời gian thực hiện.

### III. QUY HOẠCH BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG CẤP TỈNH

#### 1. Trình tự

1.1. Tổ chức xây dựng quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng

- Trước 1 năm của kỳ quy hoạch mới, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo lập quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng của địa phương;

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (trực tiếp là Chi cục Lâm nghiệp; Phòng Kế hoạch hoặc Phòng Lâm nghiệp của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ở những nơi không có Chi cục Lâm nghiệp) là cơ quan chủ trì phối hợp cùng các sở, ban ngành liên quan tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh trong triển khai thực hiện xây dựng quy hoạch bảo vệ phát triển rừng;

- Trường hợp cần sự hỗ trợ của tư vấn trong quá trình lập quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng cho tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lựa chọn đơn vị tư vấn có đủ năng lực về quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng.

#### 1.2. Điều tra thu thập thông tin

a) Các thông tin cần thu thập:

- Về tài liệu:

+ Số liệu, tài liệu về quy hoạch 3 loại rừng tại thời điểm làm quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng; kết quả theo dõi diễn biến tài nguyên rừng hàng năm; kết quả quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất lâm nghiệp đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

+ Tình hình thực hiện quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng kỳ trước;

+ Niên giám thống kê hàng năm;

+ Các kết quả điều tra và thông tin về khí hậu, thủy văn v.v....;

+ Những văn bản pháp luật và chính sách; các tài liệu, văn kiện của trung ương và địa phương có liên quan đến lâm nghiệp;

+ Báo cáo quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; các dự án đầu tư, phương án điều chế rừng của các chủ quản lý...;

+ Báo cáo quy hoạch các ngành khác có liên quan (Đất đai, Giao thông, Thủy điện, Thủy lợi.v.v...);

- Về bản đồ: Bản đồ hiện trạng rừng, bản đồ quy hoạch ba loại rừng và Bản đồ quy hoạch sử dụng đất.

b) Yêu cầu thông tin:

- Thời gian điều tra thu thập không quá hai (02) năm trở về trước đối với thông tin về điều kiện tự nhiên và tài nguyên rừng và không quá một (01) năm đối với các thông tin về điều kiện kinh tế - xã hội;

- Đơn vị thống kê số liệu phục vụ cho lập quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh là huyện và chủ quản lý rừng.

c) Tình hình hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp được sử dụng chủ yếu các số liệu thống kê, kiểm kê rừng và đất lâm nghiệp, trên cơ sở bản đồ hiện trạng rừng và nếu cần thì tiến hành điều tra bổ sung.

Phương pháp điều tra bổ sung, thực hiện theo Quy phạm thiết kế kinh doanh rừng (QPN 6-84) ban hành kèm theo Quyết định số 682/QĐ-KT, ngày 01 tháng 8 năm 1984 của Bộ Lâm nghiệp (nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), trong đó tập trung điều tra xác định đất trống có khả năng trồng rừng và rừng tự nhiên là rừng sản xuất nghèo kiệt cần cải tạo.

1.3. Phân tích, tổng hợp thông tin và xây dựng dự thảo hồ sơ quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng.

1.4. Hoàn thiện và trình duyệt.

a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các ban ngành và Ủy ban nhân dân các huyện có liên quan (nếu cần); các ban quản lý rừng phòng hộ và đặc dụng, các công ty, doanh nghiệp sản xuất lâm nghiệp và tổng hợp bổ sung hoàn thiện báo cáo quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng.

b) Thẩm định và trình duyệt: thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Luật bảo vệ và phát triển rừng và Khoản 2 Điều 12 Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ về thi hành Luật bảo vệ và phát triển rừng.

2. Nội dung

2.1. Khái quát tình hình về điều kiện

tự nhiên, kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, quy hoạch sử dụng đất, hiện trạng tài nguyên rừng.

2.2. Đánh giá tình hình thực hiện quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng kỳ trước:

- Đánh giá khái quát thực trạng tổ chức sản xuất, kết quả các hoạt động sản xuất chủ yếu, tình hình đầu tư, khoa học công nghệ, lao động...; những tồn tại, yếu kém và nguyên nhân;

- Dự báo nhu cầu về lâm sản và thị trường tiêu thụ lâm sản; nhu cầu về các dịch vụ môi trường; dự báo về tiến bộ khoa học kỹ thuật áp dụng trong lâm nghiệp.

2.3. Phân tích, tổng hợp thông tin và xây dựng dự thảo hồ sơ quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng

a) Phân tích và tổng hợp thông tin:

- Đặc điểm tài nguyên rừng và đất lâm nghiệp, hiện trạng và diễn biến tài nguyên rừng; những thuận lợi, khó khăn đối với bảo vệ và phát triển rừng;

- Tình hình phát triển kinh tế xã hội chung của tỉnh. Tình hình quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng rừng; giải quyết việc làm; áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ; tình hình đầu tư và hợp tác quốc tế (nếu có)...; nhận xét những tồn tại, yếu kém, nguyên nhân;

- Dự báo các điều kiện, yếu tố ảnh hưởng đến bảo vệ và phát triển rừng như dự báo về môi trường, phát triển dân số, nhu cầu lâm sản tiêu dùng nội tỉnh và xuất khẩu, dự báo tiến bộ khoa học công nghệ lâm nghiệp;

- Xác định phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng; căn cứ vào chiến lược, quy hoạch phát triển lâm nghiệp toàn quốc, cụ thể các nội dung sau trên địa bàn tỉnh:

+ Phương hướng phát triển lâm nghiệp: Căn cứ vào chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2006 - 2020, định hướng phát triển kinh tế xã hội của tỉnh và những phân tích, tổng hợp thông tin trên để xác định phương hướng phát triển lâm nghiệp của tỉnh. Xác định cụ thể phương hướng phát triển cho từng loại (rừng phòng hộ, rừng đặc dụng và rừng sản xuất); phương hướng về quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng và chế biến lâm sản;

+ Mục tiêu về môi trường, kinh tế, xã hội và quốc phòng an ninh;

+ Đối với từng mục tiêu, xác định các nhiệm vụ cụ thể cần phải thực hiện để đạt được mục tiêu; những nhiệm vụ này phải được thể hiện bằng các chỉ tiêu khối lượng sản xuất về bảo vệ, trồng rừng, khai thác, chế biến lâm sản .v.v...

- Đánh giá các giải pháp về cơ chế chính sách trong các lĩnh vực quản lý, bảo vệ và phát triển rừng (chính sách đất đai, tín dụng, đầu tư và huy động các nguồn tài chính, đổi mới hệ thống sản xuất kinh doanh, quyền lợi và nghĩa vụ người làm rừng...) và đề xuất các giải pháp phù hợp;

- Đề xuất các dự án ưu tiên nhằm cụ thể hóa ba (03) Chương trình phát triển và hai (02) Chương trình hỗ trợ trong Chiến lược phát triển lâm nghiệp quốc gia tại địa phương.

- Xây dựng tiến độ triển khai thực hiện các nội dung quy hoạch và tổ chức thông tin, cơ chế theo dõi giám sát thực hiện quy hoạch.

b) Xây dựng dự thảo báo cáo quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng. Nội dung thực hiện theo Mẫu 01A/BCQH và biểu được hướng dẫn tại Phần I của Phụ lục kèm theo Thông tư này.

c) Xây dựng bản đồ quy hoạch ba loại rừng (nếu chưa có), bản đồ quy hoạch phát triển 3 loại rừng đến cuối kỳ quy hoạch.

Ngoài các yếu tố nền địa hình, bản đồ phải thể hiện các nội dung sau đây:

- Ranh giới đơn vị hành chính huyện, xã và tiểu khu rừng;

- Ranh giới quy hoạch ba loại rừng: đặc dụng, phòng hộ, sản xuất;

- Ranh giới hiện trạng các lô rừng và đất rừng;

- Ranh giới và vị trí cơ quan quản lý của các khu rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, khu rừng sản xuất, doanh nghiệp lâm nghiệp, lực lượng vũ trang... (các chủ rừng có diện tích quản lý tối thiểu từ 50 héc-ta trở lên);

2.4. Những điều chỉnh quy hoạch đất lâm nghiệp và quy hoạch lại 3 loại rừng (nếu có): tổng hợp diện tích các loại rừng và đất rừng về phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất đến từng huyện, chủ rừng.

2.5. Phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ bảo vệ, phát triển và sử dụng rừng trong thời kỳ quy hoạch.

2.6. Xác định khối lượng (đến huyện và chủ rừng); biện pháp kỹ thuật chủ yếu, tiến độ thực hiện và vốn đầu tư cho các loại rừng đặc dụng, phòng hộ và sản xuất theo các hạng mục:

a) Bảo vệ rừng (rừng tự nhiên, rừng trồng) - Năm đầu kỳ và năm cuối kỳ.

b) Phát triển rừng:

- Khoanh nuôi tái sinh rừng (trong đó có trồng bổ sung);

- Trồng rừng tập trung (trồng mới 3 loại rừng, trồng lại rừng sản xuất sau khai thác, trồng rừng trong cải tạo rừng tự nhiên là rừng sản xuất nghèo kiệt);

- Làm giàu rừng;

- Trồng cây phân tán.

c) Khai thác rừng:

- Đối tượng và sản lượng khai thác rừng tự nhiên (khai thác chính, khai thác tận dụng) năm đầu, năm cuối và bình quân cả kỳ quy hoạch;

- Đối tượng và sản lượng khai thác rừng trồng năm đầu, năm cuối và bình quân cả kỳ quy hoạch.

d) Chế biến gỗ và lâm sản

- Quy hoạch vùng nguyên liệu và sản lượng khai thác cho các loại hình chế biến - năm đầu, năm cuối của kỳ quy hoạch;

- Dự kiến phát triển năng lực chế biến từng năm trong kỳ quy hoạch.

đ) Các hoạt động khác

- Xây dựng hạ tầng cơ sở: xác định khối lượng, vốn đầu tư đường lâm nghiệp, hệ thống phòng chống lửa rừng...; xác định vị trí, quy mô diện tích và nhiệm vụ của các rừng giống, vườn giống, vườn ươm....

- Dịch vụ môi trường rừng: Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giữ nước, bảo vệ hồ đập thủy điện...(nếu có).

2.7. Xác định các giải pháp thực hiện quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng.

- Các giải pháp về cơ chế, chính sách, khoa học công nghệ, đặc biệt là các giải

pháp kỹ thuật lâm sinh, thâm canh rừng trồng, làm giàu rừng; giáo dục đào tạo; khuyến lâm... và đề xuất các phương án thực hiện;

- Tổng hợp nhu cầu vốn đầu tư theo nguồn vốn, theo giai đoạn và các giải pháp huy động vốn;

- Xác định danh mục các dự án ưu tiên cần đầu tư trọng điểm, trong đó cần xác định mục đích dự án, dự kiến quy mô đầu tư, thời gian thực hiện;

- Xác định trách nhiệm của các ban ngành trong thực hiện quy hoạch và cơ chế theo dõi, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện.

2.8. Dự đoán hiệu quả của quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng về kinh tế, xã hội, môi trường, an ninh quốc phòng.

## Phần IV

### TỔ CHỨC THỰC HIỆN

#### I. TRÁCH NHIỆM CÁC NGÀNH, CÁC CẤP

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra việc xây dựng và thực hiện quy hoạch, kế hoạch bảo vệ phát triển rừng theo tinh thần Thông tư này tại địa phương.

2. Cục Lâm nghiệp chủ trì và phối hợp với Cục Kiểm lâm, Vụ Kế hoạch và các



cơ quan liên quan khác thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo, kiểm tra thực hiện Thông tư này trên phạm vi toàn quốc.

3. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh, phối hợp với các đơn vị liên quan, hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ về xây dựng quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng các cấp; Hạt Kiểm lâm có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện và Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm trong việc tổ chức triển khai, kiểm tra thực hiện Thông tư này.

## II. KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ VÀ BÁO CÁO KẾT QUẢ

Việc kiểm tra, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng của Ủy ban nhân dân các cấp được thực hiện theo quy định tại các điểm b, điểm c, điểm d, khoản 2 và khoản 3, Điều 18 của Nghị định số 23/2006/NĐ-CP.

## III. KINH PHÍ

Ngân sách nhà nước đảm bảo cho việc lập quy hoạch và kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng.

## IV. HIỆU LỰC THI HÀNH

Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp, Giám đốc sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ có trách nhiệm thực hiện Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để kịp thời sửa đổi, bổ sung./.

KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG

Hứa Đức Nhị

Phụ lục

(kèm theo Thông tư số 05/2008/TT-BNN ngày 14 tháng 01 năm 2008)

Phần I

## LẬP QUY HOẠCH BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG CẤP TỈNH

I. MẪU

1. Mẫu số 01A/BCQH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO QUY HOẠCH  
BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG GIAI ĐOẠN...  
TỈNH.....

Ngày... tháng... năm...  
CƠ QUAN LẬP QUY HOẠCH  
(Ký tên, đóng dấu)

..., tháng... năm...

## ĐẶT VẤN ĐỀ

### Phần I. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ TÀI LIỆU SỬ DỤNG

#### I. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ

1. Những văn bản của nhà nước
2. Những văn bản của địa phương

#### II. CÁC TÀI LIỆU SỬ DỤNG

1. Điều tra chuyên đề
2. Thông tin tư liệu khác

### Phần II. ĐẶC ĐIỂM ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ KINH TẾ XÃ HỘI

#### I. ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN VÀ TÀI NGUYÊN RỪNG

##### 1. Khái quát đặc điểm tự nhiên (trình bày rất tóm tắt)

- Vị trí địa lý
- Địa hình địa thế
- Khí hậu
- Thủy văn
- Đất đai

##### 2. Hiện trạng tài nguyên rừng

(trình bày chủ yếu bằng các bảng biểu tổng hợp)

- Hiện trạng quy hoạch sử dụng đất lâm nghiệp (hay quy hoạch 3 loại rừng)
  - + Rừng đặc dụng (loại rừng đặc dụng, diện tích các trạng thái rừng, đất chưa có rừng...)
  - + Rừng phòng hộ (loại rừng phòng hộ, diện tích các trạng thái rừng, đất chưa có rừng...)
  - + Rừng sản xuất (diện tích các trạng thái rừng, đất chưa có rừng...)
    - Sản xuất gỗ lớn.
    - Sản xuất gỗ nhỏ, nguyên liệu....
    - Lâm sản ngoài gỗ....
- Diện tích đất lâm nghiệp theo chủ quản lý

- Tình hình tái sinh phục hồi rừng
- Động thực vật rừng
- Lâm sản ngoài gỗ
- Đánh giá diễn biến diện tích rừng

## II. KHÁI QUÁT ĐẶC ĐIỂM KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Nguồn nhân lực: dân tộc, dân số, lao động
2. Thực trạng kinh tế xã hội
  - 2.1. Về kinh tế: nông nghiệp, công nghiệp, chăn nuôi, thủy sản...
  - 2.2. Cơ sở hạ tầng: Giao thông, thủy lợi, xây dựng, năng lượng.....
  - 2.3. Văn hóa xã hội: Thực trạng y tế, giáo dục, văn hóa, xã hội, thông tin....

## III. THỰC TRẠNG BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG

1. Kết quả các hoạt động sản xuất lâm nghiệp  
(trình bày chủ yếu bằng các bảng biểu)
  - 1.1. Tình hình giao rừng, giao đất lâm nghiệp.
  - 1.2. Kết quả hoạt động sản xuất: bảo vệ, trồng rừng, khoanh nuôi, khai thác...
  - 1.3. Hoạt động các dự án lâm nghiệp.
  - 1.4. Tổ chức quản lý và sản xuất kinh doanh.
  - 1.5. Hoạt động chế biến gỗ và lâm sản: Kết quả nguồn nguyên liệu, chế biến, xuất khẩu.
  - 1.6. Các hoạt động sản xuất lâm nghiệp khác.
2. Những tồn tại và nguyên nhân.

## IV. NHỮNG LỢI THẾ, HẠN CHẾ VÀ THÁCH THỨC

### Phần III. QUY HOẠCH BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG

#### I. DỰ BÁO PHÁT TRIỂN (trình bày những nét chính)

#### II. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN LÂM NGHIỆP

#### III. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ

1. Mục tiêu:
2. Nhiệm vụ

## IV. QUY HOẠCH BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG

1. Bảo vệ rừng (trong đó có khoán bảo vệ rừng)

2. Phát triển rừng

2.1. Khoanh nuôi tái sinh rừng trong đó có khoanh nuôi tái sinh tự nhiên và khoanh nuôi có trồng bổ sung

2.2. Trồng rừng: Trồng rừng mới, trồng lại rừng sau khai thác rừng trồng và trồng rừng trong cải tạo rừng

2.3. Làm giàu rừng

3. Khai thác rừng

3.1. Gỗ gồm có khai thác chính, khai thác tận dụng...

3.2. Lâm sản ngoài gỗ

(Chú ý: Các nội dung trên đều phải xác định đối tượng, khối lượng, biện pháp kỹ thuật chủ yếu và tiến độ thực hiện cho 3 loại rừng: đặc dụng, phòng hộ, sản xuất).

4. Chế biến gỗ

- Nhiệm vụ, khối lượng nguyên liệu chế biến

- Loại sản phẩm

- Nhu cầu trang thiết bị theo giai đoạn

5. Các hoạt động khác

5.1. Xây dựng vườn, trại rừng và trồng cây phân tán: Đối tượng; diện tích; biện pháp kỹ thuật; tiến độ thực hiện.

5.2. Xây dựng vườn ươm, rừng giống: Vị trí; diện tích xây dựng; sản lượng cây giống; biện pháp kỹ thuật.

5.3. Xây dựng cơ sở hạ tầng: đường lâm nghiệp, hệ thống phòng chống lửa rừng...

5.4. Sản xuất nông - ngư nghiệp, hoạt động du lịch...

## V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Về tổ chức quản lý và tổ chức sản xuất

2. Giao đất giao rừng

3. Về khoa học và công nghệ, giáo dục đào tạo và khuyến lâm

4. Giải pháp về vận dụng hệ thống chính sách.

5. Về vốn.

6. Về phát triển nguồn nhân lực

7. Hỗ trợ của các ngành và hợp tác quốc tế.

## VI. TỔNG HỢP ĐẦU TƯ VÀ HIỆU QUẢ KINH TẾ

1. Tổng hợp đầu tư

1.1. Theo hạng mục

- Bảo vệ, phát triển rừng.

- Khai thác, sử dụng rừng

- Xây dựng cơ bản...

1.2. Theo giai đoạn

1.3. Theo nguồn vốn

2. Nhu cầu lao động

3. Hiệu quả

- Hiệu quả về môi trường

- Hiệu quả về kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng.

## VII. DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN

Xác định danh mục các dự án ưu tiên (Tên dự án; mục đích; quy mô; nội dung; thời gian thực hiện) theo các Chương trình trong Chiến lược phát triển lâm nghiệp quốc gia.

## Phần IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ GIÁM SÁT ĐÁNH GIÁ

### I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Nhiệm vụ các sở, ban, ngành trong tổ chức chỉ đạo thực hiện quy hoạch.

### II. GIÁM SÁT ĐÁNH GIÁ

1. Các chỉ số, chỉ tiêu đánh giá theo thời gian và mục tiêu kết quả

2. Tiến trình, kế hoạch giám sát đánh giá.

## Phần V. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Phụ lục

## 2. Mẫu số 03/TTQH

ỦY BAN NHÂN DÂN....<sup>1</sup>  
Số: ...../TTr-UB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày... tháng... năm...

## TỜ TRÌNH

về việc đề nghị xét duyệt quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng  
tỉnh.....<sup>1</sup>

Kính gửi:.....<sup>2</sup>

Ủy ban nhân dân.....<sup>1</sup> trình.....<sup>2</sup> xét duyệt quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn..... của.....<sup>1</sup> với những nội dung chủ yếu sau đây:

## I. Hồ sơ trình xét duyệt kèm theo Tờ trình gồm:

1. Báo cáo quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng (báo cáo chính thức và tóm tắt);
2. Bản đồ hiện trạng rừng và sử dụng đất;
3. Bản đồ quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng;

## II. Đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch giai đoạn trước

1. Kết quả chủ yếu
2. Tồn tại và nguyên nhân

## III. Hiện trạng rừng và sử dụng đất

1. Diện tích rừng và các loại đất, loại rừng.
2. Trữ lượng rừng
3. Quy hoạch ba loại rừng

## IV. Nội dung quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng

1. Mục tiêu, nhiệm vụ
2. Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng

<sup>1</sup> Cơ quan có trách nhiệm lập quy hoạch phát triển lâm nghiệp

<sup>2</sup> Cơ quan có thẩm quyền xét duyệt quy hoạch phát triển lâm nghiệp

2.1. Bảo vệ rừng

2.2. Phát triển rừng

a) Khoanh nuôi

b) Trồng rừng: trồng rừng mới; trồng lại rừng sau khai thác rừng trồng; trồng rừng trong cải tạo rừng

c) Làm giàu rừng

2.3. Khai thác rừng

a) Gõ

b) Lâm sản ngoài gỗ

2.4. Chế biến gỗ:

2.5. Các hoạt động khác

.....

V. Tổng hợp vốn đầu tư và nguồn vốn

.....

VI. Các giải pháp thực hiện

.....

.....

Ủy ban nhân dân.....<sup>1</sup> kính trình.....<sup>2</sup> xét duyệt./.

Nơi nhận

- Như trên;

-...

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH

Chú ý: Tờ trình thực chất là một văn bản tóm tắt những nội dung chủ yếu của quy hoạch, do vậy yêu cầu thể hiện đơn giản, ngắn gọn và trong phạm vi từ 4 đến 5 trang.



## II. HỆ THỐNG BIỂU

## LẬP QUY HOẠCH BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG CẤP TỈNH

Biểu 01/HT

## HIỆN TRẠNG DIỆN TÍCH ĐẤT LÂM NGHIỆP NĂM....

Đơn vị: ha

Loại đất, loại rừng	Diện tích	Phân theo đơn vị hành chính					
		A	B	C	...	...	...
Tổng diện tích tự nhiên							
A. Đất nông nghiệp							
I. Đất sản xuất nông nghiệp							
II. Đất lâm nghiệp							
1. Đất rừng đặc dụng							
a) Đất có rừng							
- Rừng tự nhiên							
- Rừng trồng							
b) Đất chưa có rừng							
- IA							
- IB							
- IC							
2. Đất rừng phòng hộ							
a) Đất có rừng							
- Rừng tự nhiên							
- Rừng trồng							
b) Đất chưa có rừng							
- IA							
- IB							

09644904

Loại đất, loại rừng	Diện tích	Phân theo đơn vị hành chính					
		A	B	C	...	...	...
- IC							
3. Đất rừng sản xuất							
a) Đất có rừng							
- Rừng tự nhiên							
- Rừng trồng							
b) Đất chưa có rừng							
- IA							
- IB							
- IC							
B. Đất phi nông nghiệp							
C. Đất chưa sử dụng khác							

Ghi chú: Biểu này kế thừa kết quả rà soát quy hoạch 3 loại rừng theo Chỉ thị số 38/2005/CT-TTg.

09641904

## Biểu 02/HT

## HIỆN TRẠNG DIỆN TÍCH CÁC LOẠI RỪNG THEO ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Đơn vị: ha

Loại rừng	Diện tích	Phân theo đơn vị hành chính					
		A	B	C	D	.....	.....
A. Tổng diện tích rừng							
I. Rừng tự nhiên							
1. Rừng gỗ lá rộng							
- Rừng giàu							
- Rừng trung bình							
- Rừng nghèo							
- Rừng phục hồi							
2. Rừng hỗn giao							
- Gỗ + Tre nứa							
- Lá rộng + Lá kim							
3. Rừng tre nứa t/loại							
4. Rừng lá kim							
5. Rừng ngập mặn							
6. Rừng núi đá....							
II. Rừng trồng							
- Rừng gỗ có trữ lượng							
- Rừng gỗ chưa có TL							
- Rừng tre nứa							
- Rừng đặc sản....							
B. Rừng đặc dụng							

09644304

Loại rừng	Diện tích	Phân theo đơn vị hành chính					
		A	B	C	D	.....	.....
I. Rừng tự nhiên							
1. Rừng gỗ lá rộng							
- Rừng giàu							
- Rừng trung bình							
- Rừng nghèo							
- Rừng phục hồi							
C. Rừng phòng hộ							
I. Rừng tự nhiên							
1. Rừng gỗ lá rộng							
- Rừng giàu							
- Rừng trung bình							
- Rừng nghèo							
- Rừng phục hồi							
D. Rừng sản xuất							
1. Rừng gỗ lá rộng							
- Rừng giàu							
- Rừng trung bình							
- Rừng nghèo							
- Rừng phục hồi							

09644904

Ghi chú: Biểu này kế thừa từ kết quả rà soát quy hoạch 3 loại rừng theo Chỉ thị số 38/2005/CT-TTg.

## Biểu 03/HT

## HIỆN TRẠNG TRỮ LƯỢNG CÁC LOẠI RỪNG THEO ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Đơn vị: gỗ m<sup>3</sup>, tre nửa 1.000 cây

Loại rừng	Tổng trữ lượng	Phân theo đơn vị hành chính					
		A	B	C	D	.....	.....
A. Tổng trữ lượng rừng							
I. Rừng tự nhiên							
1. Rừng gỗ lá rộng							
- Rừng giàu							
- Rừng trung bình							
- Rừng nghèo							
- Rừng phục hồi							
2. Rừng hỗn giao							
- Gỗ + Tre nửa							
- Lá rộng + Lá kim							
3. Rừng tre nửa t/loại							
4. Rừng lá kim							
5. Rừng ngập mặn							
6. Rừng núi đá....							
II. Rừng trồng							
- Rừng gỗ có trữ lượng							
- Rừng tre nửa							
- Rừng đặc sản....							
B. Rừng đặc dụng							
I. Rừng tự nhiên							

19644904

Loại rừng	Tổng trữ lượng	Phân theo đơn vị hành chính					
		A	B	C	D	.....	.....
1. Rừng gỗ lá rộng							
- Rừng giàu							
- Rừng trung bình							
- Rừng nghèo							
- Rừng phục hồi							
C. Rừng phòng hộ							
I. Rừng tự nhiên							
1. Rừng gỗ lá rộng							
- Rừng giàu							
- Rừng trung bình							
- Rừng nghèo							
- Rừng phục hồi							
D. Rừng sản xuất							
1. Rừng gỗ lá rộng							
- Rừng giàu							
- Rừng trung bình							
- Rừng nghèo							
- Rừng phục hồi							

09044904

## HIỆN TRẠNG DIỆN TÍCH ĐẤT LÂM NGHIỆP PHÂN THEO CHỦ QUẢN LÝ

Đơn vị: ha

Loại đất loại rừng	Tổng	Rừng đặc dụng				Rừng phòng hộ					Rừng sản xuất				
		Cộng	Ban QLR	DN NN	Cộng đồng	Cộng	Ban QLR	DN NN	Cộng đồng	Hộ GD	Cộng	Ban QLR	DN NN	Cộng đồng	Hộ GD
Diện tích tự nhiên															
A. Đất lâm nghiệp															
1. Rừng tự nhiên															
a) Rừng gỗ lá rộng															
- Rừng giàu															
- Rừng trung bình															
- Rừng nghèo															
- Rừng phục hồi															
b) Rừng hỗn giao															
- Gỗ + Tre nứa															

Loại đất loại rừng	Tổng	Rừng đặc dụng				Rừng phòng hộ					Rừng sản xuất				
		Cộng	Ban QLR	DN NN	Cộng đồng	Cộng	Ban QLR	DN NN	Cộng đồng	Hộ GD	Cộng	Ban QLR	DN NN	Cộng đồng	Hộ GD
- Lá rộng + Lá kim															
c) Rừng tre nứa thuần loại															
d) Rừng lá kim															
e) Rừng ngập mặn															
g) Rừng núi đá...															
2. Rừng trồng															
- Rừng gỗ có trữ lượng															
- Rừng gỗ chưa có trữ lượng															
- Rừng tre nứa															
- Rừng đặc sản...															
3. Đất chưa có rừng															
- Ia															



Loại đất loại rừng	Tổng	Rừng đặc dụng				Rừng phòng hộ					Rừng sản xuất				
		Cộng	Ban QLR	DN NN	Cộng đồng	Cộng	Ban QLR	DN NN	Cộng đồng	Hộ GD	Cộng	Ban QLR	DN NN	Cộng đồng	Hộ GD
- Ib															
- Ic															
- Bãi cát, lầy...															
- Núi đá không rừng															
B. Đất khác															

Ghi chú: Biểu này kế thừa kết quả rà soát quy hoạch 3 loại rừng theo Chỉ thị số 38/2005/CT-TTg.

## HIỆN TRẠNG TRỮ LƯỢNG RỪNG PHÂN THEO CHỦ QUẢN LÝ

Đơn vị: ha

Loại đất loại rừng	Tổng	Rừng đặc dụng				Rừng phòng hộ					Rừng sản xuất				
		Cộng	Ban QLR	DN NN	Cộng đồng	Cộng	Ban QLR	DN NN	Cộng đồng	Hộ GD	Cộng	Ban QLR	DN NN	Cộng đồng	Hộ GD
Tổng trữ lượng rừng															
1. Rừng tự nhiên															
a) Rừng gỗ lá rộng															
- Rừng giàu															
- Rừng trung bình															
- Rừng nghèo															
- Rừng phục hồi															
b) Rừng hỗn giao															



Loại đất loại rừng	Tổng	Rừng đặc dụng				Rừng phòng hộ					Rừng sản xuất				
		Cộng	Ban QLR	DN NN	Cộng đồng	Cộng	Ban QLR	DN NN	Cộng đồng	Hộ GD	Cộng	Ban QLR	DN NN	Cộng đồng	Hộ GD
- Rừng tre nứa															
- Rừng đặc sản....															

Ghi chú: Trong toàn bộ hệ thống biểu, chủ quản lý rừng, bao gồm:

- Ban quản lý rừng (BQLR)
- Doanh nghiệp nhà nước (DNNN)
- Công ty liên doanh (LD)
- Cộng đồng
- Hộ gia đình
- Tập thể
- Lực lượng vũ trang (LLVT)
- Ủy ban nhân dân (UBND).

## Biểu 01/QH

## QUY HOẠCH ĐẤT LÂM NGHIỆP THEO ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Đơn vị: ha

Loại đất, loại rừng trên đất lâm nghiệp	Hiện trạng	Quy hoạch	Phân theo đơn vị hành chính					Tăng giảm
			A	B	C	...	...	
Diện tích tự nhiên								
A. Đất nông nghiệp								
I. Đất sản xuất nông nghiệp								
II. Đất lâm nghiệp								
1. Rừng đặc dụng								
a) Đất có rừng								
- Rừng tự nhiên								
- Rừng trồng								
b) Đất chưa có rừng								
- IA								
- IB								
- IC								
- Đất cát, bãi lầy								
2. Rừng phòng hộ								
a) Đất có rừng								
- Rừng tự nhiên								
- Rừng trồng								
b) Đất chưa có rừng								
- IA								
- IB								
- IC								

09644904

Loại đất, loại rừng trên đất lâm nghiệp	Hiện trạng	Quy hoạch	Phân theo đơn vị hành chính					Tăng giảm
			A	B	C	...	...	
- Đất cát, bãi lầy								
3. Rừng sản xuất								
a) Đất có rừng								
- Rừng tự nhiên								
- Rừng trồng								
b) Đất chưa có rừng								
- IA								
- IB								
- IC								
- Đất cát, bãi lầy								
B. Đất phi nông nghiệp								
C. Đất chưa sử dụng khác								

Ghi chú: Biểu này kế thừa kết quả rà soát quy hoạch 3 loại rừng theo Chỉ thị số 38/2005/CT-TTg.

09644904

## QUY HOẠCH ĐẤT LÂM NGHIỆP THEO CHỦ QUẢN LÝ

Đơn vị: ha

Hiện trạng các trạng thái rừng trên đất lâm nghiệp	Diện tích		Rừng đặc dụng				Rừng phòng hộ					Rừng sản xuất				
	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Cộng	Ban QLR	DN NN	Cộng đồng	Cộng	Ban QLR	DN NN	Cộng đồng	Hộ GD	Cộng	Ban QLR	DN NN	Cộng đồng	Hộ GD
Diện tích tự nhiên																
I. Đất lâm nghiệp																
1. Rừng tự nhiên																
a) Rừng gỗ lá rộng																
- Rừng giàu																
- Rừng trung bình																
- Rừng nghèo																
- Rừng phục hồi																

Hiện trạng các trạng thái rừng trên đất lâm nghiệp	Diện tích		Rừng đặc dụng				Rừng phòng hộ					Rừng sản xuất				
	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Cộng	Ban QLR	DN NN	Cộng đồng	Cộng	Ban QLR	DN NN	Cộng đồng	Hộ GD	Cộng	Ban QLR	DN NN	Cộng đồng	Hộ GD
b) Rừng hỗn giao																
- Gỗ + Tre nửa																
- Lá rộng + Lá kim																
c) Rừng tre nửa thuần loại																
d) Rừng lá kim																
e) Rừng ngập mặn																
g) Rừng núi đá...																
2. Rừng trồng																
- Rừng gỗ có trữ lượng																



Hiện trạng các trạng thái rừng trên đất lâm nghiệp	Diện tích		Rừng đặc dụng				Rừng phòng hộ					Rừng sản xuất				
	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Cộng	Ban QLR	DN NN	Cộng đồng	Cộng	Ban QLR	DN NN	Cộng đồng	Hộ GD	Cộng	Ban QLR	DN NN	Cộng đồng	Hộ GD
- Rừng gỗ chưa có trữ lượng																
- Rừng tre nứa																
- Rừng đặc sản...																
3. Đất chưa có rừng																
- Ia																
- Ib																
- Ic																
- Bãi cát, lầy...																
- Núi đá không rừng																
II. Đất khác																

Ghi chú: Biểu này kế thừa kết quả rà soát quy hoạch 3 loại rừng theo Chỉ thị số 38/2005/CT-TTg

## Biểu 03/QH

## QUY HOẠCH KHỐI LƯỢNG SẢN XUẤT THEO ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

	Hạng mục	Đơn vị	Tổng cộng	Phân theo đơn vị			Bình quân năm
				A	B	.....	
Tổng cộng 2008 - 2010	Tổng cộng						
	1. Bảo vệ rừng						
	2. Phát triển rừng						
	- Khoanh nuôi						
	- Trồng rừng						
	- Cải tạo rừng						
	- Làm giàu rừng						
	3. Khai thác rừng						
	- Gỗ						
	- Lâm sản ngoài gỗ						
4. Hoạt động khác							
.....							
2011 - 2015	Tổng cộng						
	1. Bảo vệ rừng						
	2. Phát triển rừng						
	- Khoanh nuôi						
	- Trồng rừng						
	- Cải tạo rừng						
	- Làm giàu rừng						
	3. Khai thác rừng						
	- Gỗ						
	- Lâm sản ngoài gỗ						
4. Hoạt động khác							
.....							

09344914

	Hạng mục	Đơn vị	Tổng cộng	Phân theo đơn vị			Bình quân năm
				A	B	.....	
2015 - 2020	Tổng cộng						
	1. Bảo vệ rừng						
	2. Phát triển rừng						
	- Khoanh nuôi						
	- Trồng rừng						
	- Cải tạo rừng						
	- Làm giàu rừng						
	3. Khai thác rừng						
	- Gỗ						
	- Lâm sản ngoài gỗ						
	4. Hoạt động khác						
	.....						

09644904

## Biểu 04/QH

**QUY HOẠCH SẢN LƯỢNG CHẾ BIẾN LÂM SẢN  
CHỦ YẾU THEO GIAI ĐOẠN**

Giai đoạn	Hạng mục	Đơn vị	Tổng số	Phân theo đơn vị			B.quân/ năm
				A	B	....	
2011 đến 2015	1. Gỗ xây dựng						
	2. Đồ mộc dân dụng						
	3. Ván sàn						
	4. Ván dăm						
	5. Ván MDF						
	6. Bột giấy						
	7. Đồ mộc mỹ nghệ						
	.....						
2016 đến 2020	1. Gỗ xây dựng						
	2. Đồ mộc dân dụng						
	3. Ván sàn						
	4. Ván dăm						
	5. Ván MDF						
	6. Bột giấy						
	7. Đồ mộc mỹ nghệ						
	.....						

09644904

## QUY HOẠCH KHỐI LƯỢNG SẢN XUẤT THEO CHỦ QUẢN LÝ

Giai đoạn	Hạng mục	Đv	Tổng số	Bq năm	Rừng đặc dụng			Rừng phòng hộ				Rừng sản xuất						
					Σ	Bq năm	Ban QLR	Cộng đồng	Σ	Bq năm	Ban QLR	Cộng đồng	Hộ GD	Σ	Bq năm	DN NN	Cộng đồng	Hộ GD
Tổng cộng 2008 - 2010	Tổng cộng																	
	1. Bảo vệ rừng																	
	2. Phát triển rừng																	
	- Khoanh nuôi																	
	- Trồng rừng																	
	- Cải tạo rừng																	
	- Làm giàu rừng																	
	3. Khai thác rừng																	
	- Gỗ																	
	- Lâm sản ngoài gỗ																	
	4. Hoạt động khác																	
	.....																	

Giai đoạn	Hạng mục	Đv	Tổng số	Bq năm	Rừng đặc dụng			Rừng phòng hộ				Rừng sản xuất						
					Σ	Bq năm	Ban QLR	Cộng đồng	Σ	Bq năm	Ban QLR	Cộng đồng	Hộ GD	Σ	Bq năm	DN NN	Cộng đồng	Hộ GD
2011 - 2015	Tổng cộng																	
	1. Bảo vệ rừng																	
	2. Phát triển rừng																	
	- Khoanh nuôi																	
	- Trồng rừng																	
	.....																	
	.....																	
2015 - 2020	Tổng cộng																	
	1. Bảo vệ rừng																	
	2. Phát triển rừng																	
	- Khoanh nuôi																	
	- Trồng rừng																	
	.....																	
	.....																	

## TỔNG HỢP NHU CẦU VỐN ĐẦU TƯ THEO CHỦ QUẢN LÝ

Đơn vị: triệu đồng

Giai đoạn	Hạng mục	Tổng	Bq năm	Rừng đặc dụng				Rừng phòng hộ					Rừng sản xuất					
				Σ	Bq năm	Ban QLR	Cộng đồng	Σ	Bq năm	Ban QLR	Cộng đồng	Hộ GD	Σ	Bq năm	DN NN	Cộng đồng	Hộ GD	
Tổng cộng 2008 - 2010	Tổng cộng																	
	1. Bảo vệ rừng																	
	2. Phát triển rừng																	
	- Khoanh nuôi																	
	- Trồng rừng																	
	- Cải tạo rừng																	
	- Làm giàu rừng																	
	3. Khai thác rừng																	
	- Gỗ																	
	- Lâm sản ngoài gỗ																	
	4. Hoạt động khác																	
	.....																	

Giai đoạn	Hạng mục	Tổng	Bq năm	Rừng đặc dụng				Rừng phòng hộ					Rừng sản xuất					
				Σ	Bq năm	Ban QLR	Cộng đồng	Σ	Bq năm	Ban QLR	Cộng đồng	Hộ GD	Σ	Bq năm	DN NN	Cộng đồng	Hộ GD	
2011 - 2015	Tổng cộng																	
	1. Bảo vệ rừng																	
	2. Phát triển rừng																	
	- Khoanh nuôi																	
	- Trồng rừng																	
	.....																	
	.....																	
2015 - 2020	Tổng cộng																	
	1. Bảo vệ rừng																	
	2. Phát triển rừng																	
	- Khoanh nuôi																	
	- Trồng rừng																	
	.....																	
	.....																	



## Biểu 07/QH

## TỔNG HỢP ĐẦU TƯ THEO GIAI ĐOẠN VÀ NGUỒN VỐN

Đơn vị: triệu đồng

Giai đoạn	Hạng mục	Tổng cộng	Phân theo nguồn vốn			B. quân năm
			NN	DN	.....	
Tổng cộng 2008 - 2010	Tổng cộng					
	1. Bảo vệ rừng					
	2. Phát triển rừng					
	- Khoanh nuôi					
	- Trồng rừng					
	- Cải tạo rừng					
	- Làm giàu rừng					
	3. Khai thác rừng					
	- Gỗ					
	- Lâm sản ngoài gỗ					
	4. Hoạt động khác					
	2011 - 2015	Tổng cộng				
1. Bảo vệ rừng						
2. Phát triển rừng						
- Khoanh nuôi						
- Trồng rừng						
- Cải tạo rừng						
- Làm giàu rừng						
3. Khai thác rừng						
- Gỗ						
- Lâm sản ngoài gỗ						
4. Hoạt động khác						

096441904

Giai đoạn	Hạng mục	Tổng cộng	Phân theo nguồn vốn			B. quân năm
			NN	DN	.....	
2015 - 2020	Tổng cộng					
	1. Bảo vệ rừng					
	2. Phát triển rừng					
	- Khoanh nuôi					
	- Trồng rừng					
	- Cải tạo rừng					
	- Làm giàu rừng					
	3. Khai thác rừng					
	- Gỗ					
	- Lâm sản ngoài gỗ					
	4. Hoạt động khác					

09644904

## Phần II

LẬP QUY HOẠCH BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG  
CẤP HUYỆN VÀ XÃ

## I. MẪU

## 1. Mẫu số 01B/BCQH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúcBÁO CÁO QUY HOẠCH  
BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG GIAI ĐOẠN.....  
HUYỆN/XÃ.....Ngày... tháng... năm...  
CƠ QUAN LẬP QUY HOẠCH  
(Ký tên, đóng dấu)

..., tháng... năm...

## ĐẶT VẤN ĐỀ

### Phần I. HIỆN TRẠNG TÀI NGUYÊN RỪNG

#### 1. Hiện trạng sử dụng đất lâm nghiệp

(trình bày chủ yếu bằng các bảng biểu tổng hợp)

- Diện tích, trữ lượng các loại rừng
- Diện tích đất chưa có rừng
- Diện tích đất lâm nghiệp theo chủ quản lý.
- Tình hình tái sinh phục hồi rừng
- Khai thác gỗ
- Lâm sản ngoài gỗ

#### 2. Quy hoạch sử dụng đất đai chung

#### 3. Quy hoạch ba loại rừng

3.1. Rừng đặc dụng (loại rừng đặc dụng, diện tích các trạng thái rừng, đất chưa có rừng...)

3.2. Rừng phòng hộ (loại rừng phòng hộ, diện tích các trạng thái rừng, đất chưa có rừng...)

3.3. Rừng sản xuất (diện tích các trạng thái rừng, đất chưa có rừng...)

- Sản xuất gỗ lớn.
- Sản xuất gỗ nhỏ, nguyên liệu....
- Lâm sản ngoài gỗ....

#### 4. Tình hình các hoạt động bảo vệ và phát triển rừng

- Tổ chức quản lý và sản xuất kinh doanh
- Kết quả hoạt động: bảo vệ, khoanh nuôi, trồng, khai thác rừng... và các dự án lâm nghiệp
- Những tồn tại trong công tác bảo vệ và phát triển rừng, nguyên nhân và bài học chủ yếu.

## Phần II. QUY HOẠCH BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG

### I. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ

1. Mục tiêu
2. Nhiệm vụ

### II. QUY HOẠCH BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG

1. Bảo vệ rừng
2. Phát triển rừng

2.1. Khoanh nuôi trong đó có khoanh nuôi tái sinh tự nhiên và khoanh nuôi tái sinh có trồng bổ sung

2.2. Trồng rừng gồm trồng rừng mới; trồng lại rừng trồng sau khai thác và trồng rừng trong cải tạo rừng

2.3. Làm giàu rừng

3. Khai thác rừng

3.1. Khai thác gỗ: khai thác chính và khai thác tận thu...

3.2. Lâm sản ngoài gỗ

(Chú ý: Các nội dung trên đều phải xác định đối tượng, khối lượng và tiến độ thực hiện cho các chủ quản lý rừng và 3 loại rừng).

4. Chế biến gỗ:

- Nhiệm vụ, khối lượng nguyên liệu chế biến
- Loại sản phẩm.

## Phần III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

Một số giải pháp mang tính chất gợi ý:

1. Tiếp tục hoàn thiện giao rừng và đất lâm nghiệp cho hộ gia đình và cộng đồng.

2. Tổ chức quản lý, bảo vệ rừng, sử dụng và phát triển rừng.

3. Phát triển nguồn nhân lực: Bổ sung, tăng cường năng lực cho cán bộ lâm nghiệp xã, kiểm lâm địa bàn và xây dựng kế hoạch đào tạo, tập huấn.

4. Ứng dụng khoa học và công nghệ: sản xuất giống cây lâm nghiệp; đẩy mạnh khuyến lâm, chuyển giao công nghệ mới; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý bảo vệ rừng.

5. Xây dựng hạ tầng cơ sở: đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng quản lý bảo vệ rừng kết hợp giao thông lâm nghiệp và các trang thiết bị như vi tính, GPS, điện thoại...

## Phần IV. TỔNG HỢP ĐẦU TƯ

- Theo hạng mục: bảo vệ, phát triển, khai thác và các hoạt động khác
- Theo giai đoạn.

## Phần V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ GIÁM SÁT ĐÁNH GIÁ

### I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Nhiệm vụ các ban, ngành và các đơn vị hành chính trong tổ chức chỉ đạo thực hiện quy hoạch

### II. GIÁM SÁT ĐÁNH GIÁ

1. Các chỉ số, chỉ tiêu đánh giá theo thời gian và mục tiêu kết quả
2. Tiến trình, kế hoạch giám sát đánh giá

Kết luận và kiến nghị.

## 2. Mẫu số 03/TT-QH

(giống như mẫu trong lập quy hoạch của tỉnh)

### II. BIỂU TRONG LẬP QUY HOẠCH

Sử dụng các biểu như trong lập quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh sau đây:

#### 1. Biểu hiện trạng gồm có:

- Biểu 01/HT. Hiện trạng diện tích đất lâm nghiệp năm...
- Biểu 04/HT. Hiện trạng đất lâm nghiệp theo chủ quản lý
- Biểu 05/HT. Hiện trạng trữ lượng rừng phân theo chủ quản lý

#### 2. Biểu quy hoạch gồm có:

- Biểu 01/QH. Quy hoạch đất lâm nghiệp
- Biểu 02/QH. Quy hoạch đất lâm nghiệp theo chủ quản lý
- Biểu 05/QH. Quy hoạch khối lượng sản xuất theo chủ quản lý
- Biểu 06/QH. Tổng hợp vốn đầu tư theo chủ quản lý.

## Phần III

## LẬP KẾ HOẠCH BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG CẤP TỈNH

## I. MẪU

## 1. Mẫu số 02/BCKH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## BÁO CÁO KẾ HOẠCH

Bảo vệ và phát triển rừng 5 năm (20... - 20....)

.....

Ngày... tháng... năm...

CƠ QUAN LẬP KẾ HOẠCH

(Ký tên, đóng dấu)

..., tháng... năm...



## ĐẶT VẤN ĐỀ

### Phần I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG KỶ TRƯỚC

#### I. HIỆN TRẠNG TIỀM NĂNG VÀ NGUỒN LỰC:

1. Hiện trạng đất lâm nghiệp: diện tích, trữ lượng, rừng nghèo, đất chưa có rừng.
2. Các nguồn lực hiện có: vốn, lao động...

#### I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng kỳ trước

1. Bảo vệ rừng
2. Phát triển rừng
  - 2.1. Khoanh nuôi
  - 2.2. Trồng rừng
  - 2.3. Cải tạo rừng
  - 2.4. Làm giàu rừng
3. Khai thác rừng
  - 3.1. Gỗ
  - 3.2. Lâm sản ngoài gỗ
4. Chế biến lâm sản
5. Các hoạt động khác.

#### II. TỒN TẠI, YẾU KÉM VÀ NGUYÊN NHÂN

Đánh giá nguyên nhân của những tồn tại, yếu kém trong việc thực hiện kế hoạch phát triển lâm nghiệp.

### Phần III. KẾ HOẠCH BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG 5 NĂM (20.... - 20...)

#### I. MỤC TIÊU

#### II. NHIỆM VỤ

#### III. CHỈ TIÊU CHÍNH

TT	Chi tiêu	Đơn vị tính	Năm 2010
1	Bảo vệ rừng		
2	Khoanh nuôi tái sinh rừng...		
3	Trồng rừng mới; trồng lại rừng sau khai thác rừng trồng; trồng rừng trong cải tạo rừng...		
4	Làm giàu rừng		
5	Khai thác rừng...		
	.....		

#### IV. DỰ ÁN ƯU TIÊN

Trên cơ sở các dự án ưu tiên trong quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng; Căn cứ vào các phương án lựa chọn và các chỉ tiêu chính được xác định trong kỳ kế hoạch, đề xuất dự án ưu tiên với những nội dung chủ yếu sau:

- Mục tiêu dự án;
- Dự kiến kết quả đạt được: Phạm vi tác động của dự án đến khả năng hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra;
- Ước tính vốn và các giải pháp tổng quát, cơ chế chính sách nhằm huy động mọi nguồn lực thực hiện dự án;
- Những cơ chế điều hành dự án.

Ghi chú: Mục IV trình bày cho kế hoạch 5 năm, còn kế hoạch hàng năm thì lập biểu kế hoạch đầu tư cho những dự án đã được phê duyệt trước 31/10 năm xây dựng kế hoạch.

#### V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Giao rừng và đất lâm nghiệp cho hộ gia đình và cộng đồng dân cư thôn.
2. Giải pháp về tổ chức quản lý và tổ chức sản xuất.
3. Giải pháp về khoa học và công nghệ, giáo dục đào tạo và khuyến lâm.
4. Giải pháp về vốn.
5. Giải pháp về nguồn nhân lực, giáo dục, đào tạo.
6. Hỗ trợ của các ngành và hợp tác quốc tế.

### Phần III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Phụ lục

## 2. Mẫu số 04/TTKH

ỦY BAN NHÂN DÂN ..... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Số: ...../TTTr-UB Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

## TỜ TRÌNH

về việc đề nghị xét duyệt kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng 5 năm  
(20...- 20.....)

Kính gửi: Hội đồng nhân dân.....

Ủy ban nhân dân..... trình Hội đồng nhân dân..... xét duyệt và thông qua Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng 5 năm..... của..... với những nội dung chủ yếu sau đây:

## I. Hồ sơ trình xét duyệt kèm theo Tờ trình gồm:

1. Báo cáo kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng 5 năm 20...-20...;
2. Báo cáo tóm tắt kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng 5 năm 20...-20...;

## II. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch kỳ trước

1. Kết quả chủ yếu
2. Tồn tại và nguyên nhân

## III. Chỉ tiêu kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng 5 năm 20... - 20....

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2010
1	Bảo vệ rừng		
2	Khoanh nuôi tái sinh rừng...		
....	.....	.....	.....

## IV. Tổng hợp vốn đầu tư và nguồn vốn

Tổng vốn đầu tư:.....

- Trong đó:
- Ngân sách nhà nước:....
  - Tín dụng đầu tư:.....
  - Doanh nghiệp:.....
  - .....

Ủy ban nhân dân..... kính trình Hội đồng nhân dân..... xét duyệt./.

Nơi nhận

- Như trên;
- ...

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH

**II. HỆ THỐNG BẢNG BIỂU**  
**LẬP KẾ HOẠCH BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG**  
**Biểu 01/HT**  
**HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT LÂM NGHIỆP**

TT	Loại đất, loại rừng	Diện tích (Ha)	Trữ lượng (m <sup>3</sup> )	Ghi chú
	Tổng diện tích tự nhiên			
	Tổng diện tích đất lâm nghiệp, trong đó:			(Số liệu quy hoạch sử dụng đất theo 3 loại rừng)
	- Đất có rừng:			
	+ Rừng tự nhiên			
	+ Rừng trồng			
	- Đất chưa có rừng			
1	Đất rừng đặc dụng			
1.1	Đất có rừng			
	Rừng tự nhiên			
	Rừng trồng			
1.2	Đất chưa có rừng			
	Trạng thái IA			
	Trạng thái IB			
	Trạng thái IC			
2	Đất rừng phòng hộ			
2.1	Đất có rừng			
	Rừng tự nhiên			
	Rừng trồng			

09644904

LawSofit \* Tel: +84-8-3845 6684 \* www.ThuvienPhapLuat.com

TT	Loại đất, loại rừng	Diện tích (Ha)	Trữ lượng (m <sup>3</sup> )	Ghi chú
2.2	Đất chưa có rừng			
	Trạng thái IA			
	Trạng thái IB			
	Trạng thái IC			
3	Đất rừng sản xuất			
3.1	Đất có rừng			
	- Rừng tự nhiên trong đó:			
	+ Rừng nghèo kiệt			
	- Rừng trồng			
3.2	Đất chưa có rừng			
	Trạng thái IA			
	Trạng thái IB			
	Trạng thái IC			

09644904

## Biểu 02/HT

## DIỆN TÍCH ĐẤT LÂM NGHIỆP PHÂN THEO CHỦ QUẢN LÝ

Đơn vị tính: ha

TT	Loại đất loại rừng	Tổng cộng	Phân theo chủ quản lý				
			BQLR	L.trường	Huyện đội	UBND xã trực tiếp quản lý	Các hộ gia đình
	Đất lâm nghiệp						
1	Rừng tự nhiên						
	Rừng giàu						
	Rừng trung bình						
	Rừng nghèo						
	Rừng phục hồi						
2	Rừng trồng						
3	Đất chưa có rừng						
A	Rừng đặc dụng						
B	Rừng phòng hộ						
1	Rừng tự nhiên						
2	Rừng trồng						
3	Đất chưa có rừng						
C	Rừng sản xuất						
1	Rừng tự nhiên						
2	Rừng trồng						
3	Đất chưa có rừng						

## Biểu 01/KH

## KẾ HOẠCH BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG

Chỉ tiêu	Đ/vị tính	TS 5 năm 2006 - 2010	TH. 2006	TH. 2007	2008	2009	2010	Ghi chú
Tổng cộng								
1. Bảo vệ và phát triển rừng								
- Bảo vệ rừng	Ha							
- Khoanh nuôi tái sinh rừng	Ha							
- Trồng rừng	Ha							
- Chăm sóc rừng	Ha							
- Trồng rừng trong cải tạo rừng	Ha							
2. Trồng cây phân tán	Tr. cây							
3. Sản xuất cây con giống lâm nghiệp	Tr. cây							
4. Khai thác rừng								
- Gỗ	M3							
- Nhựa thông	Tấn							
5. Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng	1000 đ							
- Làm đường lâm nghiệp	km							
- XD chòi canh lửa	cái							
- Làm đường ranh cản lửa	km							

09644904



Chỉ tiêu	Đ/vị tính	TS 5 năm 2006 - 2010	TH. 2006	TH. 2007	2008	2009	2010	Ghi chú
I. Rừng phòng hộ								
- Bảo vệ rừng	Ha							
Trong đó: Khoán bảo vệ rừng PH (DA 661)	Ha							
- Khoanh nuôi tái sinh rừng	Ha							
- Trồng rừng phòng hộ	Ha							
+ Đầu nguồn	Ha							
- Chăm sóc	Ha							
- Làm đường lâm nghiệp	km							
- Làm chòi canh lửa	cái							
- Làm đường ranh cản lửa	km							
II. Rừng sản xuất								
- Bảo vệ rừng	Ha							
- Khoanh nuôi tái sinh rừng	Ha							
- Trồng rừng:	Ha							
+ Trồng mới	Ha							
+ Trồng lại rừng sau KT	Ha							
+ Trồng lại rừng trong cải tạo rừng	Ha							
- Chăm sóc	Ha							

09644904

Chỉ tiêu	Đ/vị tính	TS 5 năm 2006 - 2010	TH. 2006	TH. 2007	2008	2009	2010	Ghi chú
- Khai thác lâm sản								
+ Gỗ	M <sup>3</sup>							
+ Nhựa thông	Tấn							
- Làm đường lâm nghiệp	km							
- Làm chòi canh lửa	cái							
- Làm đường ranh cản lửa	km							

## Biểu 02/KH

## DỰ KIẾN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG

Giá thực tế....., Triệu đồng

Chỉ tiêu	Tổng số	2006	2007	2008	2009	2010	Ghi chú
Tổng vốn đầu tư							
- Ngân sách xã							
- Vay tín dụng							
- Vốn ODA							
- Vốn doanh nghiệp, HTX							
- Vốn đầu tư của hộ gia đình							
- Vốn FDI							
- Vốn khác (quỹ BVPT, cộng đồng)							
1. Quản lý bảo vệ							
- Ngân sách xã							
- Tín dụng đầu tư nhà nước							
- Vốn ODA							
- Vốn doanh nghiệp, HTX							
2. Phát triển rừng							
- Ngân sách nhà nước							
- Vay tín dụng							
- Vốn ODA							

09644904

Chỉ tiêu	Tổng số	2006	2007	2008	2009	2010	Ghi chú
- Vốn doanh nghiệp, HTX							
- Hộ gia đình							
3. Khai thác rừng							
- Khai thác gỗ							
- Khai thác nhựa							
.....							
4. Khoa học công nghệ							
.....							
5. Xây dựng hạ tầng cơ sở							
- Đường lâm nghiệp							
- Chòi canh							
- Đường ranh cản lửa							

09644904

## Phần IV

LẬP KẾ HOẠCH BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG  
CẤP HUYỆN VÀ XÃ

## I. MẪU TỜ TRÌNH LẬP KẾ HOẠCH BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG

Sử dụng Mẫu số 04/TTKH như trong lập kế hoạch phát triển lâm nghiệp tỉnh

## II. BIỂU TRONG LẬP KẾ HOẠCH BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG

Trong lập kế hoạch huyện và xã, không phải viết báo cáo kế hoạch mà kết quả chỉ gồm các loại biểu sau đây:

## 1. Biểu mô tả, thống kê hiện trạng

Sử dụng các biểu sau đây:

- Biểu 01/HT. Hiện trạng sử dụng đất lâm nghiệp
- Biểu 02/HT. Diện tích đất lâm nghiệp phân theo chủ quản lý

## 2. Biểu kế hoạch

Sử dụng các biểu như trong lập kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh sau đây:

- Biểu 01/KH. Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng
- Biểu 02/KH. Dự kiến kế hoạch vốn đầu tư bảo vệ và phát triển rừng.

## Mẫu số 5

**Công văn đề nghị thẩm định quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng**

.....(\*\*)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .....

V/v yêu cầu thẩm định quy  
hoạch bảo vệ và phát triển rừng

....., ngày..... tháng.... năm 200...

Kính gửi: ..... (đơn vị chủ trì thẩm định)

Thực hiện Thông tư số...../200.../TT-BNN ngày... tháng..... năm 200... của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn lập quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng...(\*\*) xin gửi tới quý cơ quan hồ sơ thẩm định quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng... (\*\*) và trân trọng đề nghị quý cơ quan kiểm tra hồ sơ và tiến hành thẩm định để trên cơ sở ý kiến thẩm định của quý cơ quan chúng tôi nghiên cứu chỉnh lý trước khi trình HĐND... xem xét, quyết định.

Hồ sơ thẩm định gửi quý Cơ quan gồm:

1. Công văn yêu cầu thẩm định.
2. Tờ trình..... (\*\*) về Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng.
3. Báo cáo quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng của.....(\*\*) để Quý cơ quan xem xét.

Rất mong nhận được sự hợp tác giúp đỡ của quý Cơ quan.

Nơi nhận:

.....(\*\*)

- Như trên;

- ...

- ...

(\*\*) Cơ quan trình thẩm định quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng.

## Mẫu số 6

## Công văn gửi kết quả thẩm định quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng

.....(\*)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .....

V/v thẩm định quy hoạch  
bảo vệ và phát triển rừng

..., ngày ... tháng ... năm ...

Kính gửi: Ủy ban nhân dân ..... (\*\*)

..... (\*) đã nhận được tại Công văn số .../..... ngày ... tháng ... năm ... kèm theo hồ sơ đề nghị thẩm định quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng của Ủy ban nhân dân ... (\*\*); .....(\*) có ý kiến như sau:

## I. Nhận xét kết quả quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng ... (\*\*)

1. Cơ sở pháp lý, cơ sở khoa học, độ tin cậy của các thông tin, nguồn và chất lượng số liệu, tư liệu sử dụng để lập quy hoạch, phương pháp sử dụng và nội dung được giải quyết trong quy hoạch....

2. Sự phù hợp của quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng ... (\*\*) với chiến lược và quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng của cấp trên trực tiếp....

3. Các mục tiêu, nhiệm vụ bảo vệ phát triển rừng và các giải pháp thực hiện.....

4. Tính khả thi của các mục tiêu, nhiệm vụ, các chương trình dự án ưu tiên và khả năng huy động nguồn vốn đầu tư, khả năng tham gia của các nhà đầu tư, khả năng của các giải pháp tổ chức thực hiện quy hoạch...

II. Đánh giá bản báo cáo quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng ... (\*\*) theo các mức độ sau đây:

1. Đã hoàn chỉnh, đề nghị phê duyệt: bản quy hoạch có các phương pháp đúng và đầy đủ, các nội dung đã giải quyết đầy đủ theo đề cương hướng dẫn, có cơ sở và khả thi, số liệu đầy đủ và tin cậy, có thể chỉ cần bổ sung thêm một số vấn đề nhỏ sau .....

2. Đạt, cần bổ sung và chỉnh sửa một số nội dung: bản quy hoạch có phương pháp đúng, các nội dung cơ bản đã giải quyết được nhưng chưa đầy đủ, chưa chặt chẽ, cần bổ sung thêm một số nội dung cụ thể, cập nhật thêm số liệu mới hoàn chỉnh để phê duyệt.....

3. Chưa đạt, cần nghiên cứu chuẩn bị lại: bản quy hoạch được chuẩn bị không đúng phương pháp hoặc thiếu phương pháp, các nội dung chưa giải quyết hết, thiếu cơ sở hoặc độ tin cậy thấp, số liệu không đầy đủ hay dựa trên số liệu lạc hậu để làm cơ sở tính toán....

Căn cứ vào các nhận xét, đánh giá trên đây, kính đề nghị Ủy ban nhân dân... (\*\*) tổ chức, chỉ đạo bổ sung, hoàn chỉnh báo cáo quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng của địa phương để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- ...

- ...

.....(\*)

---

(\*) Cơ quan có thẩm quyền thẩm định quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng.

(\*\*) Cấp có trách nhiệm tổ chức việc lập quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng.



**Mẫu: Quyết định phê duyệt quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng**

ỦY BAN NHÂN DÂN ...(\*) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.../QĐ-UB

..., ngày... tháng... năm...

**QUYẾT ĐỊNH**

về việc phê duyệt quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng của ... (\*\*)

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN ... (\*)**

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân;

Căn cứ Luật bảo vệ và phát triển rừng ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ về thi hành Luật bảo vệ và phát triển rừng 2004;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân... (\*\*) tại Tờ trình số.../TTr-UB ngày... tháng... năm... ;

**QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Phê duyệt quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng đến năm ... của ... (\*\*) với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Mục tiêu, nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng

.....

2. Quy hoạch đất lâm nghiệp

Đơn vị: ha

Hiện trạng loại đất, loại rừng	Hiện trạng năm 2007		Quy hoạch đến 2020	
	Diện tích	Cơ cấu %	Diện tích	Cơ cấu %
Diện tích tự nhiên				
A. Đất nông nghiệp				
I. Đất sản xuất nông nghiệp				

Hiện trạng loại đất, loại rừng	Hiện trạng năm 2007		Quy hoạch đến 2020	
	Diện tích	Cơ cấu %	Diện tích	Cơ cấu %
II. Đất lâm nghiệp				
1. Rừng đặc dụng				
a) Đất có rừng				
- Rừng tự nhiên				
- Rừng trồng				
b) Đất chưa có rừng				
- IA				
- IB				
- IC				
- Đất cát, bãi lầy				
2. Rừng phòng hộ				
a) Đất có rừng				
- Rừng tự nhiên				
- Rừng trồng				
b) Đất chưa có rừng				
- IA				
- IB				
- IC				
- Đất cát, bãi lầy				
3. Rừng sản xuất				
a) Đất có rừng				
- Rừng tự nhiên				

09644904

Hiện trạng loại đất, loại rừng	Hiện trạng năm 2007		Quy hoạch đến 2020	
	Diện tích	Cơ cấu %	Diện tích	Cơ cấu %
- Rừng trồng				
b) Đất chưa có rừng				
- IA				
- IB				
- IC				
- Đất cát, bãi lầy				
B. Đất phi nông nghiệp				
C. Đất chưa sử dụng khác				

### 3. Các chỉ tiêu khối lượng bảo vệ và phát triển rừng đến năm 2020

Giai đoạn	Hạng mục	Đơn vị	Tổng cộng	Phân ra		
				Rừng đặc dụng	Rừng phòng hộ	Rừng sản xuất
Tổng cộng 2008 - 2015	Tổng cộng					
	1. Bảo vệ rừng					
	2. Phát triển rừng					
	- Khoanh nuôi					
	- Trồng rừng					
	- Cải tạo rừng					
	- Làm giàu rừng					
	3. Khai thác rừng					
	- Gỗ					
	- Lâm sản ngoài gỗ					
	4. Hoạt động khác					
	.....					

Giai đoạn	Hạng mục	Đơn vị	Tổng cộng	Phân ra		
				Rừng đặc dụng	Rừng phòng hộ	Rừng sản xuất
2008 - 2010	Tổng cộng					
	1. Bảo vệ rừng					
	2. Phát triển rừng					
	- Khoanh nuôi					
	- Trồng rừng					
	.....					
2011 - 2015	Tổng cộng					
	1. Bảo vệ rừng					
	2. Phát triển rừng					
	- Khoanh nuôi					
	- Trồng rừng					
	.....					
.....						

#### 4. Ước tính vốn đầu tư bảo vệ và phát triển rừng đến 2020

Đơn vị: triệu đồng

Giai đoạn	Hạng mục	Đơn vị	Tổng cộng	Phân ra		
				Rừng đặc dụng	Rừng phòng hộ	Rừng sản xuất
Tổng cộng 2008 - 2015	Tổng cộng					
	1. Bảo vệ rừng					
	2. Phát triển rừng					
	- Khoanh nuôi					
	- Trồng rừng					

Giai đoạn	Hạng mục	Đơn vị	Tổng cộng	Phân ra		
				Rừng đặc dụng	Rừng phòng hộ	Rừng sản xuất
	- Cải tạo rừng					
	- Làm giàu rừng					
	3. Khai thác rừng					
	- Gỗ					
	- Lâm sản ngoài gỗ					
	4. Hoạt động khác					
	.....					
2008 - 2010	Tổng cộng					
	1. Bảo vệ rừng					
	2. Phát triển rừng					
	- Khoanh nuôi					
	- Trồng rừng					
	.....					
	.....					
2011 - 2015	Tổng cộng					
	1. Bảo vệ rừng					
	2. Phát triển rừng					
	- Khoanh nuôi					
	- Trồng rừng					
	.....					
	.....					

## 5. Giải pháp thực hiện

.....

## 6. Các dự án ưu tiên

.....

**Điều 2.** Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, Ủy ban nhân dân... (\*\*\*) có trách nhiệm:

1. Công bố công khai quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng theo đúng quy định của pháp luật;
2. Thực hiện các chỉ tiêu bảo vệ và phát triển rừng theo đúng quy hoạch được duyệt;
3. Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân...(\*); Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các cơ quan có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân ...(\*\*) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- ...
- ...

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH

09644904

LawSoft \* Tel: +84-8-3845 6684 \* www.ThuVienPhapLuat.com

---

(\*) Cơ quan có thẩm quyền thẩm định quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng.

(\*\*) Cấp có trách nhiệm tổ chức việc lập quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng.